

Số: 24/GM-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ) của Công ty với nội dung như sau:

- Thời gian:** 08h00 ngày 22/06/2023 (thứ 5).
- Địa điểm:** Hội trường tầng 4 trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.
- Điều kiện dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp pháp) theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 12/05/2023 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Thủ tục tham dự đại hội:**
 - Khi tham dự, Quý cổ đông vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Giấy giới thiệu (nếu là người đại diện của tổ chức), giấy ủy quyền bản chính (có đóng dấu của Công ty) để làm thủ tục đăng ký Đại hội.
 - Nếu không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị theo mẫu “Giấy ủy quyền” của Công ty.
- Các tài liệu ĐHĐCĐ:**
 - Các tài liệu ĐHĐCĐ bao gồm: Chương trình ĐHĐCĐ; Mẫu Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ; các Báo cáo; Tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ; Phiếu biểu quyết; Dự thảo Biên bản, Nghị quyết và các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ, được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ www.evni.vn, Mục: **Quan hệ cổ đông\Tài liệu ĐHĐCĐ 2023**.
 - Vì số lượng tài liệu nhiều và nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty, kính đề nghị Quý cổ đông truy cập địa chỉ trên để tải, đọc các tài liệu.
- Đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:**

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội trước ngày **19/06/2023** (gặp Bà Bùi Thị Tuyết - Số ĐT: 0236. 625 56 56).

Xác nhận trực tiếp tại Công ty hoặc qua điện thoại/Gửi fax Đăng ký dự họp, Giấy Ủy quyền.

Rất mong sự hiện diện của Quý cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Mọi chi phí đi lại và ăn ở sẽ do Quý cổ đông tự chi trả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông EVNI;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.



Trương Quang Minh

**EVNINTERNATIONAL****CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - <http://evni.vn>**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023****Thời gian:** Bắt đầu từ 08h00 ngày 22 tháng 6 năm 2023**Địa điểm:** Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
08h30 - 08h45	Tiến hành Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Thông qua quy chế tổ chức Đại hội - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu.
08h45 - 09h00	Giới thiệu và biểu quyết thông qua chương trình Đại hội
09h00 - 11h00	Cổ đông nghe báo cáo, thảo luận và biểu quyết các nội dung sau: 1. Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023; 3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022; 4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022; 5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023; 6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023; 7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; 8. Trình Kế hoạch năm 2023; 9. Báo cáo kết quả ứng cử đề cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028; 10. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028;
11h00 - 11h15	Giải lao
11h15 - 11h30	11. Báo cáo kết quả bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028; 12. Báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT; Trưởng ban kiểm soát.
11h30 - 11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Bế mạc Đại hội

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2023



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - http://evni.vn



GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Tên cá nhân, tổ chức:

(Sau đây gọi là *Người ủy quyền*)

Số Chứng nhận ĐKDN/CMND/CCCD: do:
..... cấp ngày:

Địa chỉ:.....

Điện thoại :

Là cổ đông sở hữu: cổ phiếu.

Nay ủy quyền cho:

Ông/Bà : (Sau đây gọi là *Người được ủy quyền*)

CMND số : cấp ngày : tại :

Địa chỉ thường trú :

Điện thoại :

Trường hợp quý Cổ đông không tìm được người để ủy quyền, có thể ủy quyền cho 01 (một) thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong danh sách dưới đây (đánh dấu X vào ô của người được chọn để ủy quyền):

- 1. Ông Trương Quang Minh : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 2. Ông Lê Vũ Ninh : UV Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc
- 3. Ông Nguyễn Quang Huy : UV Hội đồng Quản trị
- 4. Ông Lê Duy Thanh : UV Hội đồng Quản trị
- 5. Bà Nguyễn Thị Hương : UV Hội đồng Quản trị

Thay mặt cá nhân/tổ chức (nêu trên) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau./.

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên

và đóng dấu trong trường hợp là tổ chức)

***Ghi chú:** Giấy ủy quyền có thể gửi trước qua số Fax (0236) 3.633.991 hoặc Email: admin@evni.vn để Ban tổ chức Đại hội tập hợp phục vụ công tác chuẩn bị được tốt nhất.



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - http://evni.vn



**ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Tên cá nhân, tổ chức:

Số ĐKKD/CMND/CCCD:.....do:.....cấp ngày:

Địa chỉ:.....

Điện thoại :

Là cổ đông sở hữu: cổ phiếu.

Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, với tư cách:

1. **Cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:.....cổ phần)
2. **Được cổ đông cá nhân sau đây ủy quyền dự họp:**
Họ tên cổ đông:
CMND(Hộ chiếu):
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:.....cổ phần)
3. **Được cổ đông là tổ chức sau đây ủy quyền dự họp:**
Tên tổ chức:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:.....cổ phần)

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:**

- Nội dung về số cổ phần sở hữu: không bắt buộc điền thông tin.

- Gửi fax Đăng ký dự họp qua số Fax (0236) 3.633.991 hoặc Email: admin@evni.vn chậm nhất đến 17h ngày 19/6/2023.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022. Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2022:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất (ngày 12/05/2023): 1.709, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.690 cổ đông thể nhân.

Về cơ cấu cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số lượng cổ phần và cổ đông nội bộ:

+ Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1):	Tỷ lệ 26,05%
+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC):	Tỷ lệ 19,30%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG):	Tỷ lệ 11,78%
+ Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBank):	Tỷ lệ 10,31%
+ Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam	Tỷ lệ 7,69%
+ VINACONEX:	Tỷ lệ 5,83%
+ Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:	Tỷ lệ 0,33%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022:

Năm 2022, Công ty đã thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 103% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 21/12/2022 của HĐQT EVNI. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với giá trị cổ tức từ dự án là 5 triệu USD đưa giá trị lũy kế lên 13,6 triệu USD đạt 136,33% giá trị đầu tư vào dự án; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Hoạt động dịch vụ tư vấn luôn được quan tâm, đầu tư để góp phần tăng doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông. Trong năm 2022, EVNI thực hiện 29 hợp đồng TVGS với tổng giá trị 19.606 triệu đồng. Trong đó đến 31/12/2022 đã đóng điện, hoàn thành nghiệm thu thanh toán 10 dự án với giá trị 13,279 tỷ đồng đạt 101,3% kế hoạch năm 2022. Tăng cường công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường đảm bảo công việc cho năm 2022 và chuyển tiếp công việc cho năm 2023.

Về mục tiêu tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án Sê Kong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 vẫn chưa có kết quả, do nguyên nhân khách quan như: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án nên chưa đủ thuyết phục các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong thời điểm hiện tại.

Kết thúc năm 2022, Công ty đã đảm bảo mức tăng trưởng về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty, nắm bắt kịp thời các cơ hội thực hiện dịch vụ TVGS các dự án năng lượng tái tạo đang phát triển trong thời gian qua và nhờ sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty.

- Tổng doanh thu: 141,420 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước: 2,697 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 104,164 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 26% đạt 130% kế hoạch

3. Hoạt động của HĐQT năm 2022:

3.1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/1 lần theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc cấp bách, HĐQT mời Ban Kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	15/06/2018	15,63%	0,29%	EVNGENCO1
2	Lê Vũ Ninh	Thành viên HĐQT.	15/06/2018	10,42%	-	EVNGENCO1

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
		Tổng Giám đốc				
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	15/06/2018	19,30%	0,04%	PPC
4	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	15/06/2018	10,31%	-	ABBank
5	Lê Duy Thanh	Thành viên HĐQT	15/06/2018	11,78%	-	VRG

3.2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2022 theo đúng chức năng, nhiệm vụ công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

a. Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Lãnh vực chiến lược, quy hoạch, công tác tổ chức nhân sự, việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê san 2: Giám sát và quản lý phần vốn góp tại dự án Thủy điện Hạ Sê San 2;
- Thực hiện công tác khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

b. Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:

- Điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện về chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, đóng bảo hiểm,...
- Chỉ đạo, đề xuất kiện toàn bộ máy nhân sự; quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

c. Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên HĐQT:

- Quản lý vốn và đầu tư vốn;
- Phương án phân phối lợi nhuận,

- Lĩnh vực tài chính, kiểm toán nội bộ, giám sát;
 - Quản trị rủi ro;
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT
- d. **Ông Nguyễn Quang Huy – Thành viên HĐQT**
- Công tác tài chính kế toán và hạch toán kế toán;
 - Phụ trách công tác đầu thầu;
 - Kiểm soát các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt;
 - Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng;
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- a. **Ông Lê Duy Thanh – Thành viên HĐQT**
- Lĩnh vực chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn.
 - Công tác hợp tác quốc tế;
 - Cơ hội đầu tư, việc làm.
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty, từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót. Cụ thể như sau:

a. Phương pháp giám sát:

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp. Các quyết định, các hoạt động, điều hành của Ban điều hành đã được HĐQT thường xuyên chỉ đạo, trao đổi Ban điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án thực hiện phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu đề thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

b. Kết quả giám sát:

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ, Quy chế của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty.

- Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

3.. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

a. Kết quả đạt được:

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua Quy chế tài chính, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu, Quy chế đấu thầu phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 07 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022.

Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp

với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Chi tiết về các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT được thống kê như Phụ lục 1 đính kèm.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

- Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (iv) Đầu ra giá bán điện của dự án; (v) Ngoài ra, đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San; vấn đề môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia; (vi) mặt khác hiện tại do chủ trương tại nước sở tại không đồng ý bán điện 50% về Việt Nam và dự án đã đưa ra khỏi Quy hoạch điện VII điều chỉnh (theo QĐ428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016). Do đó việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

3.5 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2022:

- Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 như Tờ trình số 21/TTr-EVNI ngày 08/05/2023. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao tháng KH (đồng)	Thù lao KH năm 2022 (đồng)	Quyết toán thù lao năm 2022 (đồng)	Tiền thưởng và các lợi ích khác chỉ năm 2022 (đồng)
1	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	7.700.000	92.400.000	97.236.000	21.676.786
2	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	7.700.000	92.400.000	97.236.000	21.676.786
3	Lê Duy Thanh	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	7.700.000	92.400.000	97.236.000	21.676.786
4	Đình Hải Ninh	Trưởng BKS	7.700.000	92.400.000	97.236.000	21.676.786
5	Nguyễn Thị Huyền	TV BKS	6.200.000	77.400.000	78.288.000	19.741.427
6	Vũ Hương Trà	TV BKS	6.200.000	77.400.000	78.288.000	19.741.429
	Tổng cộng:			518.400.000	545.520.000	126.190.000

(CT HĐQT chuyên trách, UV HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc không hưởng thù lao).

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 được thực hiện thanh toán theo các quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2022, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (chi phí đi lại, lưu trú...) là 164,2 triệu đồng.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát đề đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động thực tiễn tại đơn vị.

Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển Công ty một cách ổn định và bền vững.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao trong năm 2023.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, PTH, PTCKT, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

PHỤ LỤC 1 – THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Quang Minh	04	100%	
2	Ông Lê Vũ Ninh	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hương	04	100%	
4	Ông Lê Duy Thanh	04	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Huy	04	100%	

* Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
NGHỊ QUYẾT HĐQT 2022			
1.	07/NQ-HĐQT	09/3/2022	Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021
2.	09/NQ-HĐQT	22/4/2022	Thông qua gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2022
3.	11/NQ-HĐQT	07/05/2022	Thông nhất ngày ĐKCC, chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
4.	14/NQ-HĐQT	25/5/2022	Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên 1/2022
5.	15/NQ-HĐQT	25/5/2022	Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
6.	26/NQ-HĐQT	07/7/2022	Thông nhất thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2021
7.	28/NQ-HĐQT	06/07/2022	Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên 2/2022
8.	33/NQ-HĐQT	19/7/2022	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu
9.	38/NQ-HĐQT	18/8/2022	Bổ sung chi phí tổ chức chương trình kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty trong KH năm 2022
10.	40/NQ-HĐQT	15/9/2022	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu tại EVN Quốc tế
11.	43/NQ-HĐQT	20/10/2022	Thông nhất thanh toán cổ tức đợt 3 năm 2021

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
12.	48/NQ-HĐQT	18/11/2022	Thôi kiêm nhiệm TP Kỹ thuật
13.	51/NQ-HĐQT	21/12/2022	Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên 4/2022
14.	52/NQ-HĐQT	21/12/2022	Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2023
15.	53/NQ-HĐQT	21/12/2022	Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2022
QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2022			
1.	06/QĐ-HĐQT	25/02/2022	Thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng trong EVNI
2.	07/QĐ-HĐQT	02/3/2022	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng
3.	24/QĐ-HĐQT	04/7/2022	Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2022 của EVNI
4.	30/QĐ-HĐQT	18/7/2022	Ban hành Quy chế đấu thầu áp dụng trong EVNI
5.	34/QĐ-HĐQT	19/7/2022	Ban hành Quy chế tài chính áp dụng trong EVNI
6.	35/QĐ-HĐQT	19/7/2022	Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu trong EVNI
7.	42/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu trong EVNI

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2023 như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

I. Tình hình thực hiện:

1. Công tác Quản lý dự án:

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Về sản xuất điện: Đến 31/12/2022, nhà máy phát điện hòa lưới 2,14 tỷ kWh đạt 122% kế hoạch năm 2022 (107% so với năm 2021), đạt vượt 12% sản lượng thiết kế (1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 8,53 tỷ kWh.

- Phân phối lợi nhuận: Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San (HLSS2) đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận hàng năm từ năm 2020. Trong năm 2022, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 với giá trị là 5 triệu USD. Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế là 13,6 triệu USD ~ 315,124 tỷ đồng (sau khi trừ thuế, phí), đạt 136,33% giá trị vốn góp của EVNI tại dự án (231,146 tỷ đồng).

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

- Hoàn thành công tác nghiệm thu quyết toán, kiểm toán chi phí đã thực hiện của các dự án và xây dựng phương án xử lý tài chính đối với các dự án trong trường hợp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2 gặp khó khăn và không có kết quả.

- Rà soát hồ sơ pháp lý, báo cáo HĐQT tình hình thực hiện và đề xuất phương án xử lý đối với các dự án dở dang (thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1).

2. Công tác Tư vấn giám sát:

Trong năm 2022, EVNI thực hiện 29 hợp đồng TVGS (bao gồm các hợp đồng dở dang chuyển tiếp từ năm 2021) với giá trị 19.606 triệu đồng, trong đó đến 31/12/2022 đã đóng điện 10 dự án và hoàn thành nghiệm thu thanh toán/quyết toán 10 dự án. Doanh thu đối với hoạt động dịch vụ TVGS năm 2022 đạt 101,3% kế

hoạch năm 2022, tương ứng 13,27 tỷ đồng. Với một số dự án tiêu biểu là công trình trọng điểm và cấp bách của EVN đã hoàn thành như:

- Các dự án giải tỏa công suất Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (1.320 MW) vào hệ thống điện Quốc gia: Dự án đường dây 500kV Vân Phong – Vĩnh Tân và đấu nối TBA 500kV Thuận Nam; ĐZ 220kV Ninh Phước – Thuận Nam.

- Dự án Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2.

- Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch – Vũng Áng và SPP 500kV TTĐL Quảng Trạch.

* Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công ty đã xây dựng kế hoạch, chủ động thực hiện nghiệm thu thanh toán và quyết toán kịp thời các gói thầu/dự án hoàn thành, đáp ứng quy định của hợp đồng để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Công ty đã cơ bản hoàn thiện về điều kiện năng lực và kinh nghiệm của tổ chức đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát. Qua đó, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các dự án phù hợp, tham gia đấu thầu nhiều gói thầu trong điều kiện áp lực cạnh tranh từ các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn. Tuy nhiên, trong năm 2022, Công ty đã chủ động tăng cường công tác đấu thầu và mở rộng thị trường. Kết quả trúng thầu 10 gói thầu với giá trị 9,27 tỷ đồng, đảm bảo công việc cho năm 2022 và chuyển tiếp công việc cho năm 2023 với giá trị là 6,35 tỷ đồng.

* Công tác thu hồi công nợ đối với hoạt động dịch vụ:

Trong năm 2022, Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi được 14,5 tỷ đồng (số dư đầu năm là 10,2 tỷ đồng, số dư công nợ còn lại đến 31/12/2022 là 8,7 tỷ đồng). Đặc biệt là, Công ty đã thu hồi được 6,3 tỷ đồng công nợ của các Chủ đầu tư tư nhân các dự án năng lượng tái tạo (Công ty TNHH điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam: 5,01 tỷ đồng; Công ty cổ phần phong điện Ia Pét Đăk Đoa 1&2: 1,3 tỷ đồng).

3. Công tác quản trị, văn phòng:

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

- + PTGD thôi kiêm nhiệm Trưởng Phòng kỹ thuật từ 01/12/2022 và giao nhiệm vụ cho 01 Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng kỹ thuật từ 01/12/2022;

- + Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 32 người; thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2022 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Thực hiện ban hành/rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế quản lý nội bộ như Quy chế chi tiêu, quy định phân phối tiền lương theo hiệu quả công việc, quy chế công tác cán bộ, quy chế đấu thầu, quy chế tài chính, phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị;

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHCĐ thường niên EVNI năm 2022;

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty;
- Thực hiện công tác chuyên đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, cấp mới chứng nhận ISO 9001:2015.

4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:

- Lao động:

Tổng số lượng CBCNV Công ty đến 31/12/2022 là 32 người. Để thực hiện các gói thầu TVGS, trong năm Công ty đã tuyển dụng bổ sung 01 lao động nhằm đáp ứng yêu cầu công việc giám sát tại hiện trường các dự án. Các vị trí tuyển dụng đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty.

- Tiền lương: thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2022 đạt 19,2 triệu đồng/tháng.

- Đào tạo: Tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn.

5. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động:

- Quan tâm, tạo điều kiện và tích cực tham gia thực hiện tốt công tác an sinh xã hội như: quyên góp ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống Covid-19, hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; hỗ trợ trẻ em các tỉnh vùng cao...

- Công đoàn đã phối hợp chặt chẽ với chuyên môn tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất, bảo đảm đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động. Cụ thể với các hoạt động như: Chăm lo cho CBCNV dịp tết Nhâm Dần năm 2022; tặng quà sinh nhật cho đoàn viên Công đoàn trong năm 2022; tổ chức ngày 08/03, ngày Quốc tế Phụ nữ (20/10) cho chị em phụ nữ; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày tết thiếu nhi 01/6; tặng quà cho các cháu con CBCNV đạt thành tích trong học tập; tặng quà nhân ngày Tết đoàn viên (Trung thu 15/8) cho con CBCNV; Tặng quà cho người thân CBCNV Công ty nhân ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10; Hỗ trợ CBCNV bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động như: 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ và bảo hiểm sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng đối với lao động nữ 01 năm được khám 02 lần.

6. Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Năm 2022, mặc dù gặp không ít khó khăn thách thức như (i) Hiệu quả SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) bị ảnh hưởng do Ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ (FED) thực hiện tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. (ii) Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại HLSS2 thấp (10%) nên Người đại diện không chủ động được trong việc quyết định tỷ lệ và thời gian phân phối cổ tức. (iii) Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các

dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1 vẫn chưa có kết quả. (iv) Công tác Tư vấn: Tỷ suất lợi nhuận ngày càng giảm do sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn (số lượng dự án ngày càng giảm nhưng số lượng nhà thầu tham gia tăng) và ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh; Doanh thu đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh từ năm 2022 do đến nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn nên các Chủ đầu tư chưa triển khai các dự án đầu tư mới; ảnh hưởng toàn diện và sâu sắc đến hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế, cũng như đời sống của CBCNV; Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm biện pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động của đơn vị; Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 141,420 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước: 2,697 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 104,164 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 26% đạt 130% kế hoạch

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện/ KH 2022
A	Doanh thu	138.076.000.000	141.419.931.721	102%
1	Doanh thu TVGS	13.113.000.000	13.279.525.903	
2	Doanh thu cho thuê Văn phòng	740.000.000	943.405.863	
3	Doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi	8.223.000.000	9.573.248.268	
4	Doanh thu từ cổ tức dự án thủy điện Hạ Sê San 2	116.000.000.000	117.623.751.687	
B	Tổng chi phí	36.688.520.000	37.255.455.152	102%
5	Giá vốn dịch vụ TVGS	10.490.000.000	10.634.309.903	
6	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	420.000.000	392.596.732	
7	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	9.488.520.000	9.496.082.552	
8	Chi phí tài chính (chuyển cổ tức về nước)	16.290.000.000	16.396.800.000	
9	Chi phí trích dự phòng		335.665.965	
C	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (A)-(B)	101.387.480.000	104.164.476.569	103%

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện/ KH 2022
D	Lợi nhuận kế toán sau thuế	100.996.544.000	103.411.575.255	

II. Các khó khăn, tồn tại và hạn chế:

1. Công tác quản lý dự án:

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

- Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nam Mô 1 (Lào):

Việc kiểm soát để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất”; (iii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iv) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (v) Đầu ra giá bán điện của dự án chưa hấp dẫn nhà đầu tư; (vi) Riêng đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Việc phát triển dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường khu vực biên giới hai nước Việt Nam và Campuchia; Đặc thù dự án nằm trên biên giới Việt Nam – Campuchia do đó việc thực hiện dự án cần có cơ chế đặc thù về vấn đề đường biên giới hai nước; Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San.

2. Công tác Tư vấn:

- Tỷ suất lợi nhuận của lĩnh vực Tư vấn dự báo ngày càng giảm do sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn (số lượng dự án ngày càng giảm nhưng số lượng nhà thầu tham gia tăng) và ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh;

- Doanh thu dịch vụ Tư vấn đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh từ năm 2022 do hiện nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn nên các Chủ đầu tư chưa triển khai các dự án đầu tư mới;

- Các dự án truyền tải điện trong ngành điện, chủ đầu tư/ban quản lý dự án thực hiện chủ trương tự thực hiện, không lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát đối với các công trình Trạm biến áp;

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát giảm do các yếu tố bên ngoài như:

+ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nguồn và lưới điện gặp nhiều khó khăn, thường bị chậm trễ, kéo dài ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành dự án (như dự án Nhánh rẽ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Krông Ana; Đường dây 220kV Nha Trang – Tháp Chàm,...) làm kéo dài thời gian thực hiện công tác TVGS. Tuy nhiên, khi mời thầu Chủ đầu tư đã đưa ra yêu cầu về tiến độ “phù hợp với tiến độ xây BC HDSXKD năm 2022 – KH 2023

lắp” nên các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng không được Chủ đầu tư xem xét;

+ Một số dự án trong quá trình triển khai phải điều chỉnh lại hướng tuyến do vướng quy hoạch, hiệu chỉnh lại thiết kế để phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất làm kéo dài tiến độ thực hiện;

+ Năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị thi công xây lắp còn hạn chế dẫn đến tiến độ thi công kéo dài.

B. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023:

Năm 2023, Công ty cổ phần EVN Quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng tâm như (i) Quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; và báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính; (iii) Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, cụ thể:

1. Về quản lý dự án:

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

* Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các

dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

* Trình HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính các dự án.

2. Về đầu tư phát triển:

Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án năng lượng tái tạo, điện sinh khối...) phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền xem xét thông chủ trương đầu tư và thực hiện các thủ tục đầu tư để chuẩn bị thực hiện đầu tư.

3. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

+ Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

+ Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn;

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện, công tác sửa chữa lớn các nhà máy điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,2 tỷ đồng.

4. Công tác khác:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Thực hiện công tác chuyên đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2023 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Doanh thu:	135.369 triệu đồng
+ <i>Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê...</i> :	7.672 triệu đồng
+ <i>Doanh thu từ hoạt động TVGS:</i>	10.238 triệu đồng
+ <i>Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2:</i>	117.459 triệu đồng
- Chi phí:	35.165 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	100.204 triệu đồng
- Cổ tức	20 %

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Vũ Ninh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017.

Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 366.771.450.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước;
- Dạy nghề: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Tư vấn quản lý dự án; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 32 người. Trong đó cán bộ quản lý là 7 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trương Quang Minh | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Nguyễn Quang Huy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Lê Vũ Ninh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Ông Lê Duy Thanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đinh Hải Ninh | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Bà Vũ Hương Trà | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/06/2018 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Lê Vũ Ninh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2020 |
| • Ông Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2021 |
| • Bà Phạm Thị Thủy | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/11/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trương Quang Minh
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 143/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài lập ngày 27/02/2023 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại điểm (2), (3) và (4) của Thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5, thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2022 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” (Trong đó: Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/ Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Lê Nữ Mai Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4435-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.360.510.482	245.610.146.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.555.985.049	32.112.725.654
1. Tiền	111		155.985.049	72.725.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.400.000.000	32.040.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.250.000.000	196.160.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	156.250.000.000	196.160.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.825.090.539	14.777.239.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.763.564.671	10.233.911.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		115.000.000	331.363.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.282.191.833	4.211.964.748
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(335.665.965)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.081.070.083	1.592.877.664
1. Hàng tồn kho	141	9	1.081.070.083	1.592.877.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		648.364.811	967.304.028
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	224.627.005	422.522.918
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	136.123.710
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	15.080.406	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		408.657.400	408.657.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.473.101.708	316.094.210.817
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.807.819.002	23.071.068.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.739.819.002	4.003.068.574
- Nguyên giá	222		9.723.855.520	9.723.855.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.984.036.518)	(5.720.786.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.068.000.000	19.068.000.000
- Nguyên giá	228		19.106.721.745	19.106.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.721.745)	(38.721.745)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	21.444.952.295	21.574.299.455
- Nguyên giá	231		22.847.263.434	22.847.263.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.402.311.139)	(1.272.963.979)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.266.466.962	40.302.054.598
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.266.466.962	40.302.054.598
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		231.146.788.190	231.146.788.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	231.146.788.190	231.146.788.190
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.807.075.259	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	1.807.075.259	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		494.833.612.190	561.704.357.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.737.862.819	47.059.121.688
I. Nợ ngắn hạn	310		12.721.762.819	47.035.421.688
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	710.502.445	2.178.729.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	875.502.431	2.211.275.446
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	723.535.017	784.727.509
4. Phải trả người lao động	314		3.335.496.131	1.901.660.018
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.200.000	11.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	4.924.258.525	38.636.408.435
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.144.268.270	1.311.621.000
II. Nợ dài hạn	330		16.100.000	23.700.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	16.100.000	23.700.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		482.095.749.371	514.645.236.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	482.095.749.371	514.645.236.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	115.324.299.371	147.873.786.116
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.912.724.116	15.529.294.303
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103.411.575.255	132.344.491.813
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		494.833.612.190	561.704.357.804

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thủy

Người lập



Trần Vũ Quốc Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	14.222.931.766	18.584.313.157
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		14.222.931.766	18.584.313.157
4. Giá vốn hàng bán	11	23	11.030.436.405	13.382.088.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.192.495.361	5.202.224.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	127.196.999.955	198.244.478.692
7. Chi phí tài chính	22	25	16.396.800.000	26.595.821.576
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.828.218.747	6.359.326.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.164.476.569	170.491.555.065
11. Thu nhập khác	31		-	1.701
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	1.701
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.164.476.569	170.491.556.766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	752.901.314	1.469.919.953
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		103.411.575.255	169.021.636.813
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.820	4.501
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	2.820	4.501

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập

Trần Vũ Quốc Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		104.164.476.569	170.491.556.766
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	11,12,13	392.596.732	399.728.458
- Các khoản dự phòng	03		335.665.965	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.864)	14.747
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(110.294.633.685)	(170.754.420.116)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.401.902.283)	136.879.855
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.957.248.847	3.175.191.869
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	511.807.581	372.236.146
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(754.550.134)	(9.438.190.274)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.573.591.710)	(237.134.005)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.287.717.815)	(1.250.930.596)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.090.692.730)	(1.776.941.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.639.398.244)	(9.018.888.005)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(304.537.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(167.650.000.000)	(219.160.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	207.560.000.000	119.700.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8;24	112.089.991.685	169.673.825.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		151.999.991.685	69.909.287.480
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(165.917.341.910)	(35.154.978.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(165.917.341.910)	(35.154.978.670)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23.556.748.469)	25.735.420.805
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	32.112.725.654	6.377.319.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.864	(14.747)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	8.555.985.049	32.112.725.654

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thủy

Người lập



Trần Vũ Quốc Tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Quản lý dự án; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dư phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và đích danh đối với dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	Đã khấu hao hết
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng Website	Đã khấu hao hết
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.
Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 các hoạt động này được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	56.762.500	4.517.000
Tiền gửi ngân hàng	99.222.549	68.208.654
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	8.400.000.000	32.040.000.000
Cộng	8.555.985.049	32.112.725.654

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	156.250.000.000	196.160.000.000
Cộng	156.250.000.000	196.160.000.000

Tại thời điểm 31/12/2022, toàn bộ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

gửi trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	5.523.963.430	2.646.735.671
Công ty CP Thủy điện A Vương	910.072.956	89.127.684
Các đối tượng khác	2.329.528.285	7.498.047.738
Cộng	<u>8.763.564.671</u>	<u>10.233.911.093</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Tổng Công ty phát điện 1	Công ty đầu tư	135.665.965	135.665.965
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	-	23.265.000
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	5.523.963.430	2.646.735.671
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung Công ty đầu tư	910.072.956	89.127.684
Cộng		<u>6.569.702.351</u>	<u>2.894.794.320</u>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.158.714.000	-	3.954.072.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	-	-
Các khoản khác	118.477.833	-	257.892.748	-
Cộng	<u>2.282.191.833</u>	<u>-</u>	<u>4.211.964.748</u>	<u>-</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Tur vắn giám sát)	1.081.070.083	-	1.592.877.664	-
Cộng	<u>1.081.070.083</u>	<u>-</u>	<u>1.592.877.664</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê nhà	4.064.516	70.500.000
Chi phí bảo hiểm	70.803.554	18.207.973
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.719.891	309.399.623
Chi phí trả trước khác	50.039.044	24.415.322
Cộng	224.627.005	422.522.918

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	94.568.338	-
Chi phí sửa chữa Tài sản	1.702.366.921	-
Chi phí trả trước khác	10.140.000	-
Cộng	1.807.075.259	-

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.726.541.518	297.272.727	3.342.007.200	358.034.075	9.723.855.520
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.726.541.518	297.272.727	3.342.007.200	358.034.075	9.723.855.520
Khấu hao					
Số đầu năm	1.900.361.023	294.714.275	3.342.007.200	183.704.448	5.720.786.946
Khấu hao trong năm	189.374.448	2.558.452	-	71.316.672	263.249.572
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.089.735.471	297.272.727	3.342.007.200	255.021.120	5.984.036.518
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.826.180.495	2.558.452	-	174.329.627	4.003.068.574
Số cuối năm	3.636.806.047	-	-	103.012.955	3.739.819.002

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.876.861.002 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2022.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Quyền sử dụng Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Khấu hao			
Số đầu năm	-	38.721.745	38.721.745
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	38.721.745	38.721.745
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000
Số cuối năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m². Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 38.721.745 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	1.272.963.979	1.272.963.979
Tăng trong năm	-	129.347.160	129.347.160
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	1.402.311.139	1.402.311.139
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	2.506.299.455	21.574.299.455
Số cuối năm	19.068.000.000	2.376.952.295	21.444.952.295

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương ứng với diện tích cho thuê tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (*)	24.313.325.211	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong (*)	8.755.911.108	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (*)	7.197.230.643	7.197.230.643
Chi phí sửa chữa trụ sở EVNI	-	35.587.636
Cộng	40.266.466.962	40.302.054.598

(*) Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2022 đang trình bày trên Báo cáo tài chính đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của các dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

Dự án	Địa điểm	Thuế GTGT đầu vào	Chi phí quản lý dự án (*)	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	Tổng
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	Campuchia	1.784.456.406	5.191.997.418	17.336.871.387	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong	Campuchia	436.517.605	1.012.397.167	7.306.996.336	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	Lào	248.371.168	2.044.783.118	4.904.076.357	7.197.230.643
Cộng		2.469.345.179	8.249.177.703	29.547.944.080	40.266.466.962

(*) Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21/01/2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	231.146.788.190	231.146.788.190
Cộng	231.146.788.190	231.146.788.190

(*) Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 là 10% vốn chủ sở hữu. Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà Công ty đã thực hiện cho Dự án thể hiện bằng các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của Dự án. Quyết toán chi phí thực hiện khối lượng công việc nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Công ty thông qua với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Xem Thuyết minh chi tiết tại mục 30 “Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan”

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã diễn ra dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua các nội dung: báo cáo hoạt động năm 2021, phê duyệt kế hoạch ngân sách năm 2022, phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và kế hoạch trả cổ tức năm 2021. Một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2021: Trong năm 2021, Công ty đã trả nợ gốc cho ngân hàng được 19,54 triệu USD và trả lãi vay là 20,38 triệu USD. Dư nợ đến cuối năm 2021 là 533,73 triệu USD, trong đó 527,46 triệu USD từ tổ chức và 6,27 triệu USD từ cổ đông.

2/ Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2022 như sau:

- Doanh thu điện:** Doanh số điện dự kiến là 1.760 GWh. Dựa trên điều này, doanh thu điện dự kiến là 122,32 triệu USD trong đó 86,27 triệu USD từ doanh thu hoạt động và 36,05 triệu USD từ khấu hao tài sản tài chính.
- Chi phí vận hành:** Năm 2022 ước tính chi phí vận hành là 27,04 triệu USD, bao gồm 0,77 triệu USD chi phí vật tư, 10,53 triệu USD lương nhân viên, 2,04 triệu USD chi phí đại tu, 12,14 triệu USD chi phí khác (các loại chi phí sản xuất hàng ngày, phí bảo hiểm và v.v...) và 1,6 triệu USD dự phòng thay thế tài sản.
- Chi phí lãi vay:** Dư nợ dự kiến đến cuối năm 2022 là 492,30 triệu USD. Khoản lãi ước tính phải trả vào năm 2022 sẽ là 28,23 triệu.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Baker Tilly Campuchia. Đến ngày 31/12/2021, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: USD
	31/12/2021
Tổng tài sản	796.102.845
Tổng nợ phải trả	585.855.906
Vốn cổ phần	1.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	131.063.200
Dự trữ pháp định	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	78.083.739

Năm 2022, Nhà máy Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát và hòa lưới 2,14 tỷ kWh đạt 122% kế hoạch năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(107% so với năm 2021), đạt vượt 12% sản lượng thiết kế (1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 8,53 tỷ kWh.

4/ Phân phối lợi nhuận: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, các cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận thành 02 đợt. Trong đó, cổ tức đợt 1/2021 đã chi trả cho Công ty là 1 triệu USD (bao gồm thuế, phí) vào ngày 26/07/2022; cổ tức đợt 2/2021 được chi trả cho Công ty là 4 triệu USD (bao gồm thuế, phí) vào ngày 23/12/2022.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Viện năng lượng	509.500.000	509.500.000
Công ty TNHH Xây lắp và thương mại Y.K	140.795.585	-
Phải trả người bán khác	60.206.860	1.669.229.280
Cộng	710.502.445	2.178.729.280

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hàm Thuận Bắc	-	400.000.000
BQL dự án các công trình Điện Miền Trung (Bên liên quan)	569.634.500	1.505.859.124
Ban quản lý dự án Sông Bung 2 (Bên liên quan)	305.416.322	305.416.322
Người mua trả tiền trước khác	451.609	-
Cộng	875.502.431	2.211.275.446

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư phải thu cuối năm	Số dư phải trả cuối năm
Thuế GTGT	-	653.986.864	-	-	653.986.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	519.736.095	752.901.314	1.287.717.815	15.080.406	-
Thuế thu nhập cá nhân	264.991.414	1.172.720.432	1.368.163.693	-	69.548.153
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	38.195.492	38.195.492	-	-
Phí và lệ phí	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	784.727.509	2.620.804.102	2.697.077.000	15.080.406	723.535.017

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí tiền điện	8.200.000	11.000.000
Cộng	8.200.000	11.000.000

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược (Đặt cọc thuê văn phòng)	43.100.000	44.500.000
Cổ tức phải trả	4.619.811.525	38.499.431.435
Thù lao HĐQT và BKS	236.400.000	-
Các khoản khác	24.947.000	92.477.000
Cộng	4.924.258.525	38.636.408.435

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)	16.100.000	23.700.000
Cộng	16.100.000	23.700.000

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	366.771.450.000	55.126.458.303	421.897.908.303
Tăng trong năm	-	169.021.636.813	169.021.636.813
Giảm trong năm	-	76.274.309.000	76.274.309.000
Số dư tại 31/12/2021	366.771.450.000	147.873.786.116	514.645.236.116
Số dư tại 01/01/2022	366.771.450.000	147.873.786.116	514.645.236.116
Tăng trong năm	-	103.411.575.255	103.411.575.255
Giảm trong năm	-	135.961.062.000	135.961.062.000
Số dư tại 31/12/2022	366.771.450.000	115.324.299.371	482.095.749.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.677.145	36.677.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	147.873.786.116	55.126.458.303
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	103.411.575.255	169.021.636.813
Phân phối lợi nhuận	135.961.062.000	76.274.309.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	135.961.062.000	39.597.164.000
- Trả cổ tức bằng tiền	132.037.722.000	36.677.145.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.923.340.000	2.331.342.000
- Thù lao HĐQT và Ban điều hành	-	588.677.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (Chia cổ tức)	-	36.677.145.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.324.299.371	147.873.786.116

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30/06/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 46%/Vốn điều lệ (tương đương 168.714.867.000 đồng). Theo đó Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2022

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	13.279.525.903	17.646.961.799
Doanh thu cho thuê văn phòng	941.202.160	937.351.358
Doanh thu khác	2.203.703	-
Cộng	14.222.931.766	18.584.313.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	10.634.309.903	13.040.170.057
Giá vốn cho thuê văn phòng	396.126.502	341.918.725
Cộng	11.030.436.405	13.382.088.782

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	9.571.433.685	7.380.220.116
Lãi chậm thanh toán	1.242.000	5.303.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	117.120.000.000	189.970.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	504.316.406	888.954.951
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	7.864	-
Cộng	127.196.999.955	198.244.478.692

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia (*)	16.396.800.000	26.595.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	6.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	14.747
Cộng	16.396.800.000	26.595.821.576

(*) Là thuế đánh trên phần cổ tức chuyển về nước (14% cổ tức thực chuyển) mà Chính phủ Campuchia đã khấu trừ khi Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 chuyển trả cổ tức năm 2021 cho Công ty.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	534.825.302	87.387.989
Lương và các khoản trích theo lương	5.376.697.440	3.998.990.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.241.541	256.102.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.781.461.199	486.149.328
Chi phí bằng tiền khác	1.537.327.300	1.530.696.938
Dự phòng phải thu khó đòi	335.665.965	-
Cộng	9.828.218.747	6.359.326.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.164.476.569	170.491.556.766
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.441.276.569	7.117.356.766
- Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	100.723.200.000	163.374.200.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	16.720.030.000	26.828.043.000
- Điều chỉnh tăng	16.720.030.000	26.828.043.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	291.708.000	232.243.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	31.522.000	-
+ Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia	16.396.800.000	26.595.800.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	120.884.506.569	197.319.599.766
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.764.506.569	7.349.599.766
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	117.120.000.000	189.970.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.176.901.314	39.463.919.953
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	752.901.314	1.469.919.953
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)	23.424.000.000	37.994.000.000
Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở NN	23.424.000.000	37.994.000.000
- Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	-	-
- Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài (*)	23.424.000.000	37.994.000.000
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	752.901.314	1.469.919.953
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	752.901.314	1.469.919.953
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp đối với cổ tức nhận được từ đầu tư vốn tại Vương quốc Campuchia theo Hiệp định ký ngày 31/3/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về tránh đánh thuế 02 lần.

28. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	103.411.575.255	169.021.636.813
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.923.340.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, lương HĐQT, BKS và Ban TGD)	-	3.923.340.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông	103.411.575.255	165.098.296.813
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.677.145	36.677.145
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.820	4.501

(*) Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu” năm 2021 thay đổi do Công ty điều chỉnh các khoản giảm trừ (Quỹ khen thưởng, phúc lợi) vào Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

niên năm 2022.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sắp đến về Quỹ khen thưởng, phúc lợi

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	677.696.058	511.997.254
Chi phí nhân công	11.491.180.291	10.902.119.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.596.732	399.728.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.232.109	1.613.860.872
Chi phí khác bằng tiền	5.396.476.416	5.941.472.980
Cộng	<u>20.011.181.606</u>	<u>19.369.179.062</u>

30. Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 31/12/2022 được tóm tắt như sau:

(1) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây dẫn nối:* Đây là dự án thủy điện có công suất 400MW, nằm ở hợp lưu sông Sê San và Sông Srepok thuộc huyện Sê San tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và là dự án thủy điện lớn nhất hiện nay của Campuchia. Tổng chi phí đầu tư của EVNI cho công tác lập kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hoàn thành hồ sơ kỹ thuật của Dự án là 231.146.788.190 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát điện thương mại giữa tháng 12/2018 và chỉ qua 03 năm hoạt động (năm 2019, 2020 và 2021) đã đem lại cổ tức ròng (sau khi trừ tất cả các khoản thuế phí của Vương quốc Campuchia) cho Công ty là 315,1 tỷ đồng (bằng 136% chi phí đầu tư vào dự án). Hiện nay, nhà máy đã hoạt động ổn định và trong các năm tới dự án chắc chắn tiếp tục sinh lời.

(2) *Dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5:* Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là “MoU”) của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mô và Năng lượng (MME)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn và hình thức nộp bằng tiền mặt. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Ngày 10/06/2019, Công ty đã có công văn số 159A/ EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.

Ban điều hành Công ty cũng tăng cường trao đổi thông tin với Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để được giới thiệu tìm kiếm đối tác chuyên giao dự án.

Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 31/12/2022 được tóm tắt như sau:

(3) *Dự án thủy điện Sekong*: Dự án thủy điện Sê Kông được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông. MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. EVNI đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. Đến tháng 09/2013, EVNI nhận được văn bản số 2335.MIME của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU do dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên theo đánh giá của EVNI là do tại thời điểm năm 2012 EVNI không thực hiện triển khai dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI chuyển giao dự án và tham gia góp vốn 10% vào dự án) nên điều này ảnh hưởng đến các dự án điện của Campuchia, vì thế phía Campuchia không thực hiện gia hạn MoU của dự án. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.319.393.503 đồng, VAT tương ứng là 436.517.605 đồng).

Từ 2013 đến nay, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra, EVNI đã có các kiến nghị đến Bộ Kế hoạch và đầu tư; Hiệp hội các nhà Đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) và làm việc trực tiếp với Tổng cục Năng lượng - MIME về các chi phí đã thực hiện (Dự án hoàn thành đầy đủ báo cáo FS theo đúng thời gian quy định của MoU), đề nghị phía Campuchia thu hồi chi phí của EVNI trong trường hợp MIME giao cho Nhà đầu tư khác thực hiện hoặc giới thiệu EVNI tham gia hợp tác với chi phí đã thực hiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Trong thời gian tới EVNI sẽ làm việc với các cổ đông của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (Công ty mà EVNI đang sở hữu 10% vốn góp) để hợp tác triển khai dự án Thủy điện Sê Koong (dự án có vị trí địa lý và các điều kiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và cách dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 40km trong cùng tỉnh Sungtreng- Campuchia).

(4) *Dự án thủy điện Nậm Mô 1*: Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 (sau kiểm toán dự án) là 7.197.230.643 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.948.859.475 đồng, VAT tương ứng là 248.371.168 đồng). Dự án được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1. EVNI đã hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả thi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng. Sau khi thông qua báo cáo phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên tại thời điểm thông qua BCNCKT tháng 7/2013 quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 do đó MEM từ chối ký PDA cho dự án.

Việc MEM chậm trễ trong việc tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án) EVNI đã nhiều lần đề nghị phía MEM, các bộ ngành liên quan cho phép gia hạn MoU với thời gian gia hạn để bù cho việc phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp thông qua BCNCKT của dự án hoặc cho phép ký PDA mà không cần gia hạn MoU nhưng vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi từ phía Lào.

Từ năm 2018 đến năm 2022, EVNI đã có công văn gửi Hiệp hội các nhà đầu tư sang Lào (AVIL) bày tỏ mong muốn AVIL hỗ trợ giới thiệu các đối tác quan tâm đến dự án này để hợp tác, chuyển giao dự án. Đồng thời kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam có ý kiến với MEM đồng ý để EVNI tiếp tục thực hiện PDA và triển khai dự án.

Đánh giá của Công ty về các dự án đang đầu tư dở dang:

Thực tế cho thấy, việc thực hiện đầu tư các dự án điện tại nước ngoài sẽ bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước sở tại (như cầu điện gắn liền với tốc độ phát triển kinh tế xã hội qua các năm); Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị và mục tiêu đầu tư ban đầu của EVNI (đưa điện về Việt Nam). EVNI cho rằng xu thế phát triển tất yếu của kinh tế xã hội sẽ làm nhu cầu về điện ngày càng tăng cao (như thực trạng thị trường điện tại Việt Nam hiện nay), khi các dự án nguồn điện cạn kiệt thì các nhà đầu tư sẽ tiếp tục quan tâm tìm kiếm các dự án thủy điện (năng lượng sạch). Đây sẽ là điều kiện để EVNI thực hiện chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Là đơn vị chuyên ngành về điện năng và có nhiều năm nghiên cứu về thị trường điện, EVNI cho rằng các dự án thủy điện nêu trên vẫn có khả năng thu được lợi ích trong tương lai, thu hồi các chi phí đã thực hiện và đem lại hiệu quả (như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 mà EVNI đã thực hiện đầu tư).

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá các tín hiệu tích cực về các dự án thủy điện nêu trên và xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền đầu tư hoặc chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Công tác triển khai, tìm kiếm đối tác thích hợp để chuyển giao không dễ dàng và có thể kéo dài nhưng với kinh nghiệm quản lý dự án nhiều năm Công ty cho rằng tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án đều rất tốt nên vẫn có khả năng tìm được đối tác thích hợp trong việc hợp tác, chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Và rủi ro tổn thất đối với các chi phí đã bỏ ra là không chắc chắn. Do đó, EVNI không ghi nhận chi phí đầu tư vào 03 dự án nêu trên như là khoản tổn thất trong giai đoạn hiện nay.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch nhận cổ tức từ các khoản đầu tư ở nước ngoài bằng ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá khi quy đổi về đồng tiền ghi sổ. Tuy nhiên, việc giao dịch chuyển đổi tiền tệ với ngân hàng được thực hiện trong thời gian ngắn nên Công ty cho rằng các biến động dẫn đến rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đối với hoạt động tư vấn, giám sát chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty lớn, uy tín. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	710.502.445	-	710.502.445
Chi phí phải trả	8.200.000	-	8.200.000
Phải trả khác	4.924.258.525	16.100.000	4.940.358.525
Cộng	5.642.960.970	16.100.000	5.659.060.970
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.178.729.280	-	2.178.729.280
Chi phí phải trả	11.000.000	-	11.000.000
Phải trả khác	38.636.408.435	23.700.000	38.660.108.435
Cộng	40.826.137.715	23.700.000	40.849.837.715

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.555.985.049	-	8.555.985.049
Phải thu khách hàng	8.427.898.706	-	8.427.898.706
Đầu tư tài chính	156.250.000.000	231.146.788.190	387.396.788.190
Phải thu khác	2.277.191.833	-	2.277.191.833
Cộng	175.511.075.588	231.146.788.190	406.657.863.778

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.112.725.654	-	32.112.725.654
Phải thu khách hàng	10.233.911.093	-	10.233.911.093
Đầu tư tài chính	196.160.000.000	231.146.788.190	427.306.788.190
Phải thu khác	4.203.029.548	-	4.203.029.548
Cộng	242.709.666.295	231.146.788.190	473.856.454.485

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty đầu tư
Ngân hàng TMCP An Bình	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3	Công ty đầu tư
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung công ty đầu tư
Công ty truyền tải điện 1	Chung nhà đầu tư EVN
Công ty truyền tải điện 2	Chung nhà đầu tư EVN
Công ty TNHH ĐTXD Eicon Solar	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Xây dựng Eicon	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	8.113.353.114	3.142.544.435
Tổng Công ty phát điện 1	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	303.339.456	-
Công ty truyền tải điện 1	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	-	460.110.000
Công ty truyền tải điện 3	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	150.790.909	339.438.182
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	1.236.363.636	335.354.545
	Cho thuê bãi đậu xe	87.272.724	87.272.725
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát		129.066.665
Ngân hàng TMCP An Bình	Gửi tiền tiết kiệm	96.700.000.000	148.650.000.000
	Tất toán tiền gửi	109.450.000.000	137.650.000.000
	Lãi nhận được từ tiền gửi	4.130.077.235	3.815.560.415
	Phí bảo lãnh	12.841.868	4.602.543
	Công ty bán ngoại tệ	\$ -	\$ 3.867.896,00

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021	
Hội đồng quản trị	1.136.122.158	848.209.000	
Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	779.383.800	533.466.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	118.912.786	104.914.333
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	118.912.786	104.914.333
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	118.912.786	104.914.333
Ban kiểm soát	314.971.642	275.977.000	
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	118.912.786	104.914.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	98.029.427	85.531.500
Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	98.029.429	85.531.500
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.981.029.400	934.821.000	
Ông Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	743.698.400	501.105.000
Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng giám đốc	643.834.000	31.050.000
Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	593.497.000	402.666.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ niên độ

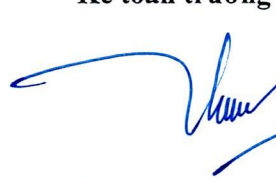
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.


35. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

Trần Vũ Quốc Tài

Số: 01/BC-BKS

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2023



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

VỀ: KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2022, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023 CỦA BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP EVN Quốc Tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (Công ty) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài là Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, Công ty tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

- Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), mã chứng khoán là EIC.

- Thành phần Ban Kiểm soát của Công ty:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Đình Hải Ninh	Trưởng Ban kiểm soát	EVNGENCO1 cử
2	Vũ Hương Trà	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP An Bình cử
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại cử

Cả 3 KSV đều thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách.

- Tổng số CBNV Công ty đến 31/12/2022 là 32 người, giảm 01 người so với thời điểm 31/12/2021. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2022 đạt 19,2 triệu đồng/tháng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát và trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, tham gia các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng của Công ty; cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm soát năm 2022 để phối hợp. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra cũng như phối hợp với các phòng chức năng của Công ty trong quá trình kiểm tra. Báo cáo kết quả của từng đợt kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Tổng giám đốc Công ty.

Trong năm 2022, BKS Công ty đã thực hiện đầy đủ Kế hoạch công tác với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ngoài các đợt làm việc của Ban kiểm soát theo định kỳ, Ban Kiểm soát đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia một số các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng của Ban điều hành Công ty (online), xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề HĐQT đưa ra bàn bạc.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2022 đối với các hoạt động của Công ty

Trong kỳ kế hoạch hoạt động năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện 03 đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty và đã đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Thống nhất với ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán AAC đối với BCTC bán niên và cả năm 2022

- Đề nghị Công ty xây dựng kế hoạch dòng tiền chi tiết và dài hạn hơn

- Công ty cần tích cực hơn nữa trong việc thu hồi công nợ để tối ưu dòng tiền. Trong trường hợp công nợ tồn đọng, phải trích lập dự phòng Ban điều hành báo cáo HĐQT thông qua trước khi thực hiện.

- Công ty lưu ý biên chế hồ sơ quyết toán công trình “Sửa chữa lớn trụ sở làm việc” thành một bộ hồ sơ hoàn chỉnh phục vụ công tác phê duyệt quyết toán, kiểm soát và lưu trữ do hiện nay đang được tập hợp riêng lẻ.

3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên:

Trong kỳ báo cáo Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban

kiểm soát EVNI, một số kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch kiểm soát năm 2022.
- Hoàn thành các báo cáo theo quy định: (i) Báo cáo thẩm tra BCTC bán niên và cả năm 2022; (ii) Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ đại hội thường niên năm 2023.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và tham dự một số cuộc họp giao ban tháng của Ban điều hành.
- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ động lớn đồng thời rà soát giám sát việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
- Tham gia xem xét, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, ban hành 03 Quy chế nội bộ của Công ty là (i) Quy chế đầu thầu; (ii) Quy chế tài chính; và (iii) Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Các thành viên BKS (KSV) đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

* Thống kê các chương trình làm việc của BKS, cuộc họp HĐQT các KSV đã tham gia

TT	Kiểm soát viên	Số chương trình kiểm soát tham gia	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham gia
1	Bà Đinh Hải Ninh	03/03	04	100%	
2	Bà Vũ Hương Trà	03/03	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	03/3	04	100%	

4. Về sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành Công ty

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- BKS đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng, họp kết luận kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty. Được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của BKS): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

5. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022, với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của UBCK Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

- Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ (1 quý/lần), tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 7 Quyết định đề Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD 2022.

- Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã điều hành linh hoạt, bám sát các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2022, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ *Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021.*

+ *Điều chỉnh kế hoạch năm 2022 phù hợp với lợi nhuận từ Công ty Dự án Hạ Sê San 2*

+ *Ban hành Quy chế đấu thầu áp dụng tại EVNI*

+ *Ban hành Quy chế Tài chính*

+ *Ban hành QC quản lý chi tiêu trong EVNI*

+ *Tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023.*

+ *Chi trả cổ tức cho cổ đông.*

6. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc Công ty

Trong năm 2022, nhân sự Ban điều hành Công ty tiếp tục được củng cố, ông Lê Thanh Khoa thôi kiêm nhiệm Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty.

Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp với Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2022 đảm bảo hoạt động kinh doanh, TVGS an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả, cụ thể:

*** Công tác Quản lý dự án:**

- *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:* EVNI đã nhận 05 triệu USD cổ tức (trước thuế) từ HLSS2 trong năm 2022. Giá trị lũy kế cổ tức nhận được từ dự án là 13,6 triệu USD ~ 315,124 tỷ đồng (sau khi trừ thuế, phí), đạt 136,33% giá trị vốn góp của EVNI tại dự án (231,146 tỷ đồng).

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

+ Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

+ Hoàn thành công tác nghiệm thu quyết toán, kiểm toán chi phí đã thực hiện của các dự án và xây dựng phương án xử lý tài chính đối với các dự án trong trường hợp tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2 gặp khó khăn và không có kết quả.

+ Rà soát hồ sơ pháp lý, báo cáo HĐQT tình hình thực hiện và đề xuất phương án xử lý.

* **Công tác Tư vấn giám sát:** Trong năm 2022, EVNI thực hiện 29 hợp đồng TVGS (bao gồm các hợp đồng dở dang chuyển tiếp từ năm 2021) với giá trị 19.606 triệu đồng, trong đó đến 31/12/2022 đã đóng điện 10 dự án và hoàn thành nghiệm thu thanh toán/quyết toán 10 dự án. Doanh thu đối với hoạt động dịch vụ TVGS năm 2022 đạt 101,3% kế hoạch năm 2022, tương ứng 13,27 tỷ đồng

* **Công tác tài chính:** Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm được thực hiện theo đúng quy định.

Công ty quản lý và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định, số tiền 335.665.965đ và không phát sinh thêm khoản nợ phải thu khó đòi mới.

* **Về công tác triển khai các kiến nghị của Ban kiểm soát:** Ban Tổng giám đốc Công ty đã nghiêm túc tiếp thu và triển khai các kiến nghị của BKS Công ty.

*** Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:**

Hoạt động năm 2022 trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí đã được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT điều chỉnh căn cứ vào kết quả lợi nhuận từ Công ty thủy điện Hạ Sê San 2, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại, các chỉ tiêu kế hoạch và kế hoạch điều chỉnh năm 2022 đã được hoàn thành. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu:	141,420 tỷ đồng	đạt 102% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước:	2,697 tỷ đồng	
- Lợi nhuận:	104,164 tỷ đồng,	đạt 103% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến):	26%	đạt 130% kế hoạch

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện/ KH 2022
A	Doanh thu	138.076.000.000	141.419.931.721	102%
1	Doanh thu TVGS	13.113.000.000	13.279.525.903	
2	Doanh thu cho thuê Văn phòng	740.000.000	943.405.863	
3	Doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi	8.223.000.000	9.572.683.549	
4	Doanh thu từ cổ tức dự án thủy điện Hạ Sê San 2	116.000.000.000	117.624.316.406	
B	Tổng chi phí	36.688.520.000	37.255.455.152	102%
5	Giá vốn dịch vụ TVGS	10.490.000.000	10.634.309.903	
6	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	420.000.000	392.596.732	
7	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	9.488.520.000	9.496.082.552	
8	Chi phí tài chính (chuyển cổ tức về nước)	16.290.000.000	16.396.800.000	
9	Chi phí trích dự phòng		335.665.965	
C	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (A)-(B)	101.387.480.000	104.164.476.569	103%
D	Lợi nhuận kế toán sau thuế	100.996.544.000	103.411.575.255	

* Ghi chú: Kế hoạch năm 2022 là kế hoạch đã được điều chỉnh

III. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 SAU KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY

Ban kiểm soát nhận thấy: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc Tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

- **Ý kiến ngoại trừ:** Không có

- **Vấn đề cần nhấn mạnh:** Như đã trình bày tại điểm (2), (3), và (4) của thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án thủy điện Sê Kông, thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mỏ 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/dã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án tính đến thời điểm 31/12/2021 là 40.266.466.962 đồng, hiện phản ánh tại khoản mục "chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (trong đó: Dự án thủy điện Sê Kông là 8.755.911.108

đồng; Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/Sê San 5 là 24.258.325.211 đồng; Dự án Thủy điện Nậm mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tồn thấy đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng/giảm	
				Mức	Tỷ lệ
	1	3	4	5 = 3-4	6 = 3/4
1	Tài sản ngắn hạn	177.360.510.482	245.610.146.987	-68.249.636.505	-27,78
2	Tài sản dài hạn	317.473.101.708	316.094.210.817	1.378.890.891	0,4%
3	Nợ phải trả	12.737.862.819	47.059.121.688	-34.321.258.869	-72,9%
4	Vốn chủ sở hữu	482.095.749.371	514.645.236.116	-32.549.486.745	-6,32%
5	Tổng tài sản/Nguồn vốn	494.833.612.190	561.704.357.804	-66.870.745.614	-11,9%

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2022 là trên 494,83 tỷ đồng, giảm 66,87 tỷ đồng tương đương giảm 11,9% so với 31/12/2021, do các chỉ tiêu sau:

Tài sản ngắn hạn giảm 68,24 tỷ so với đầu kỳ, tương đương giảm 27,78% chủ yếu do Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 46% (tương đương 168,7 tỷ đồng)

Tài sản dài hạn thay đổi do chi phí sửa chữa trụ sở làm việc EVNI đang được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, phân bổ 3 năm.

Nợ ngắn hạn giảm 34,3 tỷ, tương đương 72,9%, nguyên nhân chủ yếu do Công ty ghi nhận khoản phải trả tạm ứng 10% cổ tức năm 2021 với giá trị 36,7 tỷ đồng cuối năm 2021 và đã thực hiện chi trả ngày 27/1/2022.

Nợ dài hạn giảm 7,6 triệu đồng. Đây là khoản đặt cọc của các đơn vị thuê văn phòng tại trụ sở Công ty có thời gian thuê trên 1 năm.

Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Năm trước chuyển sang:	784.727.509 đ
Phát sinh phải nộp trong kỳ:	2.620.804.102 đ
Số đã nộp trong kỳ:	2.697.077.000 đ
Số còn phải nộp cuối kỳ:	723.535.017 đ
Số dư phải thu cuối kỳ:	15.080.406 đ

Hệ số phân tích tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021	Tăng/giảm
1	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,1	56,27	7,83
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,9	43,7	-7,9
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,026	0,084	-0,058
	- Nguồn vốn CSH/Tổng NV	%	97,42	91,62	5,8
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,03	0,09	-0,06
3	Khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	13,86	5,17	8,68
	- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	13,94	5,22	8,72
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	38,84	11,94	26,9
4	Hiệu quả				
	- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq ROA:	%	19,57	33,78	-14,21
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu ROS	%	73,12	77,95	-4,83
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (ROE)	%	20,7	36,1	-15,4
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	2.820	4.501	-1.681

Nhận xét:

Qua số liệu tính toán ở trên cho thấy trong năm 2022, các chỉ tiêu về tài chính của Công ty giảm so với năm 2021 do cổ tức nhận từ Công ty thủy điện Hạ Sê San giảm 3,3 triệu USD, tương đương giảm 39,76%

- Các chỉ số ROA, ROS, ROE vẫn rất cao (trên 19%) do Công ty nhận 05 triệu USD lợi nhuận (trước thuế chuyên tiền từ Campuchia về Việt Nam) từ Công ty TNHH Hạ Sê San 2 và do Công ty tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động TVGS.

- Nhóm các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất cao, tăng mạnh so với năm 2021 chứng tỏ tình hình tài chính của công ty rất tốt.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022

Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Đã thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Chưa thực hiện	Ghi chú
1	Phân phối lợi nhuận năm 2021	X		
2	Chi trả cổ tức 2021	X		
3	Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2021	X		

Trong đó chi tiết việc thực hiện theo Nghị quyết 1/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022 như sau:

STT	Nội dung	Nghị Quyết 1/NQ-ĐHĐCĐ	Tình hình thực hiện	Đánh giá
1	Thù lao HĐQT và BKS 2021	433,520,000	433,520,000	Thực hiện theo Nghị quyết
2	Thù lao HĐQT và BKS 2022	518,400,000	434,688,000	Tạm chi, chờ xin ý kiến ĐHCĐ 2023 để quyết toán
3	Tiền thưởng Ban điều hành	417.904.000	414.450.000	Thực hiện theo Nghị quyết
3	Chi trả cổ tức 2021	168,714,867,000	168,714,867,000	Thực hiện theo Nghị quyết
4	Phân phối lợi nhuận các quỹ 2021	3,923,340,000	3,923,340,000	Thực hiện theo Nghị quyết

V. Công tác thực hiện công bố thông tin của Công ty: Công ty đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định của UBCKNN.

VI. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ hoạt động SXKD, TVGS, công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.
- Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty.

- Cập nhật chính sách, chế độ mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

(Kế hoạch hoạt động năm 2023 sẽ được Ban kiểm soát xây dựng chi tiết sau)

V. Kiến nghị

Trên cơ sở giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc; Số liệu báo cáo tài chính, Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo của HĐQT V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;

- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023 của Ban điều hành;

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên Công ty năm 2022 cũng như Phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT; KSV;
- Ban TGD Cty;
- Lưu VT, VP.HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh



Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: *lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023*
của Công ty cổ phần EVN Quốc tế)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Cty cổ phần EVNI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN quốc tế.
- Tình hình thực tế.

Để thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023 (bán niên và thường niên) của Công ty cổ phần EVN Quốc tế theo quy định của Bộ tài chính và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông quy trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2023 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung và tiến độ Công ty cổ phần EVN Quốc tế yêu cầu;
- Là công ty có kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực thủy điện;
- Ưu tiên các đơn vị đã thực hiện kiểm toán cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế trong các đợt kiểm toán năm trước.

2. Lựa chọn các Công ty kiểm toán độc lập:

Công ty đã tiến hành thông báo mời chào giá kiểm toán đến 05 công ty kiểm toán. Tính đến 8h ngày 28/02/2023, Công ty nhận được Hồ sơ, báo giá của 03 đơn vị là Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Vào hồi 10h30 ngày 23/3/2023, Ban kiểm soát đã tiến hành mở niêm phong hồ sơ báo giá của 03 Công ty (có Biên bản mở báo giá kèm theo), kết quả như sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC thông báo giá 65.000.000 đồng

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt thông báo giá 80.000.000 đồng
- TNHH Hãng kiểm toán AASC thông báo giá 90.000.000 đồng (tất cả các giá chào trên chưa bao gồm thuế VAT)

Căn cứ các tiêu chí lựa chọn trên đây và thông báo giá của 03 Công ty, BKS đề xuất tiếp tục lựa chọn Công ty kiểm toán và kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán các BCTC EVNI bán niên và thường niên trong năm 2023 với mức phí là 65.000.000đ chưa bao gồm thuế GTGT.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022:

Năm 2022, EVNI đã hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 102,7% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐQT ngày 21/12/2022 của HĐQT EVNI. Cụ thể như sau:

- | | | |
|---------------------------|------------------|---------------------|
| - Tổng doanh thu: | 141,420 tỷ đồng | đạt 102,4% kế hoạch |
| - Nộp ngân sách nhà nước: | 2,697 tỷ đồng | |
| - Lợi nhuận: | 104,164 tỷ đồng, | đạt 102,7% kế hoạch |
| - Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): | 26% | đạt 130% kế hoạch |

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH: “Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch”.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán mức thù lao HĐQT và BKS năm 2022 như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao KH năm 2022 (đồng)	Quyết toán thù lao năm 2022 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	7.700.000	12	277.200.000	291.708.000
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	7.700.000	12	92.400.000	97.236.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	6.200.000	12	148.800.000	156.576.000
	Tổng cộng:				518.400.000	545.520.000

(CT HĐQT chuyên trách, UV HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc không hưởng thù lao).

II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023:

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2023, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2023 được xây dựng như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2023 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	6.928.000	12	249.408.000
2	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	1	6.928.000	12	83.136.000
3	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2	5.578.000	12	133.872.000
	Tổng cộng	6			466.416.000

(CT HĐQT chuyên trách, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TH, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Với kết quả SXKD năm 2022 theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ:

ĐVT: đồng.

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay	104.164.476.569	
2	Thuế TNDN	752.901.314	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	103.411.575.255	
4	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm trước	11.912.724.116	
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm nay (5)=(3)+(4)	115.324.299.371	
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	2.101.996.000	Khoản 1, Điều 18 TT28:
<i>a</i>	<i>Quỹ khen thưởng</i>	1.050.998.000	
-	<i>Trích thưởng hoàn thành kế hoạch</i>	809.495.000	<i>50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD</i>
-	<i>Trích thưởng vượt kế hoạch</i>	241.503.000	<i>50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện 2022 vượt lợi nhuận kế hoạch</i>

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
<i>b</i>	<i>Quỹ phúc lợi</i>	1.050.998.000	
-	<i>Trích phúc lợi hoàn thành kế hoạch</i>	809.495.000	<i>50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD</i>
-	<i>Trích phúc lợi vượt kế hoạch</i>	241.503.000	<i>50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện 2022 vượt lợi nhuận kế hoạch</i>
2	Quỹ thưởng người quản lý	374.418.000	
-	<i>HDQT, BKS</i>	68.190.000	<i>1,5 tháng thù lao bình quân</i>
-	<i>Ban điều hành</i>	306.228.000	<i>Khoản 2, Điều 18 TT28: 1,5 tháng TLBQ thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách</i>
3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	112.847.885.371	
IV	Chia cổ tức năm 2022		
1	Số cổ phiếu chia cổ tức (CP)	36.677.145	
2	Tỷ lệ chia cổ tức	26%	
3	Giá trị chia cổ tức	95.360.577.000	
4	Hình thức trả cổ tức	Tiền mặt	
V	Lợi nhuận để lại	17.487.308.371	

II. Phương thức chi trả cổ tức:

- Tổng số tiền trả cổ tức : 95.360.577.000 đồng.
- Hình thức trả : Bằng tiền.
- Thời gian chi trả cổ tức : dự kiến chi vào tháng 8/2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, PTH, PTCKT Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Để có cơ sở thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Tổng doanh thu	135.369.333.000
1.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	17.910.333.000
1.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	117.459.000.000
2	Chi phí	35.165.296.000
3	Lợi nhuận trước thuế/Tỷ lệ chia cổ tức	
	- Lợi nhuận trước thuế	100.204.037.000
	- Tỷ lệ chia cổ tức	20%

(Chi tiết theo Thuyết minh kế hoạch năm 2023 đính kèm)

2. Tổ chức thực hiện:

* Giao Ban điều hành làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (117,459 tỷ đồng tương ứng 5 triệu USD). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2023, HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2023 tương ứng.

* Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

* Đối với công tác tư vấn:

- Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, PTH, PTCKT, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 05/2023

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2023

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2022, với mục tiêu trọng tâm trong năm 2023 là theo dõi và quản lý các dự án đã đầu tư đảm bảo bảo toàn vốn của cổ đông; tìm kiếm việc làm đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động Công ty. Công ty cổ phần EVN Quốc tế xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các mục tiêu cụ thể như sau:

1. Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2), trong đó phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 theo kết quả thực hiện năm 2022 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2019 – 2024 của HLSS2.

2. Làm việc với các đối tác về việc chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện Công ty đã triển khai nghiên cứu tại Campuchia và Lào.

3. Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty, đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động.

4. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2023 nhằm tối ưu hóa chi phí.

5. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

1. Về công tác quản lý dự án

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

* Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

* Trình HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính các dự án.

2. Về đầu tư phát triển:

Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án năng lượng tái tạo, điện sinh khối...) phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền xem xét thông chủ trương đầu tư và thực hiện các thủ tục đầu tư để chuẩn bị thực hiện đầu tư.

3. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

+ Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

+ Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn;

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết

toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện, công tác sửa chữa lớn các nhà máy điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,2 tỷ đồng.

4. Công tác khác

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Thực hiện công tác chuyên đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

- + Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2023 nhằm tối ưu hóa chi phí;

- + Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

II. Giải pháp thực hiện:

1. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức với cơ cấu linh hoạt, gọn nhẹ với 03 Phòng chức năng với biên chế nhân sự hợp lý; phát triển ngày càng tốt hơn văn hóa doanh nghiệp; đẩy mạnh việc hình thành, phát triển mối quan hệ và tạo dựng niềm tin của các đối tác kinh doanh;

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo; nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và nghiêm túc thực hiện các nội quy, quy chế của đơn vị;
- Nâng cao hiệu quả quản lý, cân đối tài chính phù hợp, bảo toàn và phát triển vốn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung theo hướng tinh gọn các quy chế quản lý nội bộ phù hợp quy định hiện hành của pháp luật;
- Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông; thực hiện công bố thông tin kịp thời, trung thực và đúng quy định.

2. Giải pháp về quản lý dự án:

- Đối với dự án Hạ Sê San 2:
 - + Phối hợp có hiệu quả với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023;
 - + Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với 3 dự án Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1: Tăng cường và thường xuyên liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia/Lào, Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam hỗ trợ Công ty các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC)/Lào (AVIL) để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Giải pháp về công tác Tư vấn:

- Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;
- Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;
- Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm soát công tác Tư vấn để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ Tư vấn;
- Hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC;
- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án Năng lượng tái tạo.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường thực hiện các giải pháp quản trị, kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công tác tài chính: 100% thực hiện thanh toán trên hệ thống, tiết kiệm thời gian và chi phí;

- Công tác thanh quyết toán: Đối với các gói thầu đã hoàn thành, Công ty đã chủ động, tích cực phối hợp cùng các Chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán giá trị khối lượng đã thực hiện, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối vốn lưu động theo năm/tháng và theo dõi sát sao tình hình thực hiện; đảm bảo dòng tiền luôn tối ưu, hiệu quả và cân đối vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối dòng tiền nhằm gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi suất phù hợp để nâng cao hiệu quả doanh thu từ hoạt động tài chính.

5. Giải pháp về ứng dụng KHCN và quản trị nguồn nhân lực:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;

- Nâng cao công tác an toàn thông tin bằng cách triển khai trang bị các phần mềm ứng dụng có bản quyền nhằm giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin;

- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thực hiện chính sách thu hút nhân tài;

- Thường xuyên xây dựng, cải tiến văn hóa doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ có tác phong công tác chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo dựng niềm tin đối với các đối tác, khách hàng.

6. Giải pháp công tác cho thuê văn phòng tại Trụ sở Công ty:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác thuê văn phòng phù hợp để cho thuê, đảm bảo công suất cho thuê văn phòng có hiệu quả.

III. Kế hoạch doanh thu và chi phí:

Bảng tổng hợp kế hoạch năm 2023:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2023 dự kiến trình	Thực hiện 2022	GHI CHÚ
A	Nguồn thu		135.369.333.000	141.419.931.721	
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty		17.910.333.000	23.795.615.315	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2023 dự kiến trình	Thực hiện 2022	GHI CHÚ
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	Đồng	7.672.000.000	10.516.089.412	
1	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng	6.732.000.000	9.572.683.549	
2	Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác	Đồng	940.000.000	943.405.863	
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	Đồng	10.238.333.000	13.279.525.903	Phụ lục 1
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	Đồng	117.459.000.000	117.624.316.406	
	Cổ tức thu được từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2		117.459.000.000	117.624.316.406	
B	Chi phí hoạt động		35.165.296.000	37.255.455.152	
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	Đồng	10.117.296.000	10.224.345.249	
1	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	Đồng	9.727.296.000	9.496.082.552	
2	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	Đồng	390.000.000	392.596.732	Phụ lục 2
3	Chi phí trích dự phòng			335.665.965	
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	Đồng	8.703.000.000	10.634.309.903	
B.3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	Đồng	16.345.000.000	16.396.800.000	
C	Lợi nhuận				

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2023 dự kiến trình	Thực hiện 2022	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	100.204.037.000	104.164.476.569	
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	100.151.037.000	103.411.575.255	
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.731	2.820	
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20	26	
5	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	Đồng	73.354.290.000	95.360.577.000	

1. Doanh thu:

Trên cơ sở kế hoạch các nội dung công việc năm 2023 được trình bày như trên, các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm: (i) Doanh thu từ cổ tức của dự án Thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Doanh thu từ hoạt động tài chính (gửi số vốn góp chưa sử dụng của cổ đông và lợi nhuận các năm vào các ngân hàng); (iii) Thu từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, cho thuê đất; và (iv) Thu từ hoạt động tư vấn QLDA và Tư vấn giám sát. Tổng nguồn thu dự kiến, cụ thể như sau:

1.1. Doanh thu từ cổ tức của dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Căn cứ số liệu kế hoạch năm 5 năm 2023-2027 của HLSS2; tình hình sản xuất phát điện năm 2022 (đạt 122% KH 2022) và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2022 của Công ty TNHH Hạ Sê San 2 (tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2022): Lợi nhuận sau thuế năm 2022 dự kiến của HLSS2 là 68,9 triệu USD. Việc phân phối sẽ được HLSS2 trình cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 (dự kiến tổ chức tháng 5 năm 2023). Theo tình hình thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 trong năm 2022 HLSS2 chia cổ tức 50 triệu USD cho cổ đông (EVNI nhận 5 triệu USD); Vì vậy, EVNI dự kiến cổ tức năm 2022 của HLSS2 mà EVNI nhận được trong năm 2023 tương ứng là 5 triệu USD (năm 2021: 8,3 triệu USD, năm 2022: 5 triệu USD) tương đương 117.459.000.000 đồng.

1.2. Doanh thu từ tiền gửi Ngân hàng:

Trên cơ sở số dư tiền gửi ngân hàng, dự kiến năm 2023 EVNI thu từ lãi tiền gửi đạt 6.732 triệu đồng thấp hơn 2.840 triệu đồng so với năm 2022. Nguyên nhân: tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn đầu năm 2023 thấp hơn so với năm 2022 do số dư nguồn tiền và tương đương tiền cuối năm 2022 thấp hơn cuối năm 2021 (lợi nhuận năm 2021 cao hơn 2022) và trong năm 2022 EVNI đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ là 46% (năm 2021: 10%).

1.3. Doanh thu từ cho thuê văn phòng:

Tổng doanh thu từ việc cho thuê văn phòng, thuê mặt bằng năm 2023 dự kiến đạt 940 triệu đồng, giá trị gần bằng với thực hiện năm 2022. Nguyên nhân: năm

2023, Công ty dự kiến tiếp tục cho thuê quy mô các văn phòng như năm 2022.

1.4. Doanh thu từ hoạt động tư vấn: (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

Với các hợp đồng TVGS đã ký năm 2022; dự kiến sẽ ký trong năm 2023, tổng doanh thu kế hoạch từ dịch vụ tư vấn năm 2023 đạt 10.238 triệu đồng thấp hơn 3.041 triệu đồng so với năm 2022 (khối lượng nghiệm thu thực hiện trong năm 2022 được kế thừa từ các hợp đồng TVGS dự án điện NLTT từ năm 2021 lớn). Từ sau ngày 31/10/2021, cơ chế chính sách phát triển điện NLTT hết hiệu lực nên các Nhà đầu tư xây dựng lĩnh vực này giảm. Năm 2023 Công ty thực hiện TVGS thuần là các công trình đường dây và trạm biến áp, lĩnh vực có nhiều đơn vị TVGS khác cùng tham gia với giá cả cạnh tranh). Doanh thu dịch vụ TVGS bao gồm:

- Doanh thu từ các hợp đồng TVGS chuyển tiếp tiếp từ các năm trước: 9.260 triệu đồng
- Dự kiến doanh thu kế hoạch đấu thầu mới các hợp đồng TVGS năm 2023: 978 triệu đồng.

2. Chi phí hoạt động:

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, cân đối chi phí thực hiện qua các năm 2017-2022, Công ty lập dự toán chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí phục vụ Tư vấn các gói thầu trong năm 2023.

Tổng chi phí hoạt động năm 2023: 35.165 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Chi phí hoạt động, quản lý dự án:

Tổng chi phí hoạt động, quản lý dự án năm 2023 là 10.117 triệu đồng giảm 107 triệu đồng so với thực hiện năm 2022.

Trong đó:

2.1.1. Chi phí khấu hao Tài sản cố định năm 2023 là 390 triệu đồng giảm 2 triệu đồng so với năm 2022.

Nguyên nhân: trong năm 2022, hệ thống thang máy của công ty đã hết khấu hao nên chi phí khấu hao giảm trong năm 2023.

2.1.2. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi: Năm 2022 phát sinh tăng chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 335 triệu, bao gồm: dự phòng khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư Long Thành Đắc Lắc 1 - TVGS Dự án Nhà máy điện mặt trời Long Thành 1 (200 triệu) và Tổng công ty Phát điện 1- Dự án điện gió Tỉnh Bến Tre (135,6 triệu đồng)

2.1.3. Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA năm 2023 là 9.727 triệu đồng tăng 231 triệu so với thực hiện năm 2022, trong đó:

- Thù lao HĐQT, BKS năm 2023: 466,416 triệu đồng, giảm 79,104 triệu đồng so với thực hiện năm 2022.

Nguyên nhân: Căn cứ kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023, lợi nhuận kế hoạch giảm 4% so với thực hiện năm 2022. Công ty dự kiến giảm mức thù lao của ủy viên HĐQT, thành viên BKS năm 2023 tương ứng 14,5% so với thực hiện năm 2022 trên cơ sở đảm bảo cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý chuyên trách tương ứng và quy định tại Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

- Lương và các khoản phải trích theo lương của Ban điều hành và người lao động năm 2023: 4.970 triệu đồng, giảm 406,35 triệu đồng so với thực hiện năm 2022. Trong đó:

+ Ban điều hành: 2.431 triệu đồng, giảm 322,78 triệu đồng so với thực hiện năm 2022;

+ Người lao động: 2.539 triệu đồng, giảm 83,57 triệu đồng so với năm 2022.

Nguyên nhân:

+ Lợi nhuận kế hoạch giảm 4% so với thực hiện năm 2022, mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách được tính bằng 90% trên mức lương cơ bản và hệ số điều chỉnh tăng thêm 1,0 đối với công ty có lợi nhuận từ 100 tỷ đến dưới 200 tỷ đồng, áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 13 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động giảm 5% so với thực hiện năm 2022, áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH: công ty có năng suất lao động bình quân kế hoạch và lợi nhuận kế hoạch giảm so với thực hiện năm trước liền kề.

- Chi phí hoạt động khác là 4.290 triệu đồng tăng 716 triệu đồng so với năm 2022.

Nguyên nhân: Chi phí sửa chữa, sơn trụ sở công ty hoàn thành tháng 10 và 11 năm 2022 (tổng chi phí 1.608 triệu đồng), vì vậy giá trị phân bổ chi phí này cho năm 2023 nhiều hơn năm 2022: 420 triệu đồng. Ngoài ra, do trong năm 2023, công ty dự kiến thực hiện triển khai phần mềm D-office (150 triệu đồng); tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn cho CBCNV Công ty và gia hạn chứng chỉ năng lực...(147 triệu đồng)

2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ tư vấn

Nhằm duy trì hoạt động, đảm bảo công ăn việc làm và tăng thu nhập của CBNV, năm 2023 EVNI tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn giám sát các công trình lưới điện truyền tải Quốc (NPT) đảm bảo các hợp đồng TVGS đạt tỷ lệ bình quân lợi nhuận/doanh thu là 15%, giảm 5% so với năm 2022 (năm 2022: 20%). Tổng chi phí cho hoạt động TVGS là 8.703 triệu đồng.

Nguyên nhân: Thời gian hoàn thành các công trình lưới điện truyền tải hiện nay thường xuyên bị kéo dài do dự án gặp nhiều vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, các nhà thầu xây lắp gặp nhiều khó khăn về giá cả, chi phí đầu

vào tăng cao, dẫn đến chi phí TVGS tăng nhưng giá trị hợp đồng trọn gói không thay đổi, số lượng dự án hoàn thành quyết toán trong năm cũng giảm theo.

Trong quá trình thực hiện, Công ty kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch, đời sống và thu nhập của CBNV được cải thiện. Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tương ứng.

3. Kế hoạch Lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức:

Cân đối nguồn thu và chi phí, dự kiến lợi nhuận và mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông như sau:

- Lợi nhuận trước thuế: 100.204 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức: 20%

PHỤ LỤC 1 - BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGUỒN THU DỊCH VỤ TVGS NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2022	Tỷ lệ NT năm 2023	Giá trị NT năm 2023
I	Các hợp đồng chuyển tiếp từ năm trước	23.165.502.670	25.482.052.937		13.046.246.024		9.259.942.333
1	Đường dây 220kV Nha Trang Tháp Chàm	636.822.000	700.504.200	30%	191.046.600	30%	191.046.600
2	Trạm biến áp 220kV Krong Ana và đấu nối	1.251.397.139	1.376.536.853	45%	563.128.713	45%	563.128.713
3	Dự án điện gió Hướng Phùng 1	1.322.148.582	1.454.363.440	100%	1.322.148.582	50%	661.074.291
4	Ngăn lộ 110 kV xuất tuyến đường dây 110 kV Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí tại TBA 220 kV Ninh Phước	74.498.465	81.948.312	10%	7.449.847	0%	0
5	HĐ với A Vương- Ngăn lộ 110kV xuất tuyến đường dây 110kV Ninh Phước	8.277.607	9.105.368	100%	8.277.607	0%	0
6	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-dự toán và TVGS thi công xây dựng hạng mục Hệ thống cung cấp nước ngọt cho dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I	265.496.288	292.045.917	100%	265.496.288	30%	79.648.886
7	Trạm biến áp 220kV Duy Xuyên	1.816.029.091	1.997.632.000	9%	163.442.618	9%	163.442.618

8	Nâng công suất TBA 220kV Huế từ (125+250)MVA lên (2x250)MVA	141.782.727	155.961.000	30%	42.534.818	30%	42.534.818
9	Đường dây 500kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân	2.724.011.070	2.996.412.177	10%	272.401.107	10%	272.401.107
10	Treo mạch 2 đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	252.512.727	277.764.000	58%	146.457.382	58%	146.457.382
11	Thi công lắp đặt thiết bị, thăm tra và phê duyệt TKBVTC và hỗ trợ Quản lý dự án Đầu tư thay mới Hệ thống điều khiển nhà máy (DCS) và bảo vệ tổ máy Nhà máy Thủy điện Đại Ninh	463.680.000	510.048.000	34,58%	160.340.544	34,58%	160.340.544
12	Trạm biến áp 500kV Vân Phong và đấu nối	1.135.744.000	1.249.318.400	10%	113.574.400	10%	113.574.400
13	Phụ lục Hợp đồng TBA 500kV Vân Phong và đấu nối	75.657.518	83.223.270	100%	75.657.518	100%	75.657.518
14	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2	1.458.681.818	1.604.550.000	80%	1.166.945.455	80%	1.166.945.455
15	Trạm biến áp 220kV Vũng Áng và đấu nối	1.761.454.545	1.937.600.000	100%	1.761.454.545	50%	880.727.273
16	Di dời, xử lý các điểm giao chéo đường dây 500kV và 220kV phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vĩnh Hảo – Phan Thiết	763.090.909	839.400.000	11%	83.940.000	11%	83.940.000
17	Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Dốc Sỏi -Quảng Ngãi	734.000.000	807.400.000	100%	734.000.000	50%	367.000.000
18	Đường dây 220kV mạch kép Ninh Phước-500kV Thuận Nam	971.454.545	1.068.600.000	20%	194.290.909	20%	194.290.909

19	Di dời, cải tạo đường dây 500kV phục vụ công tác GPMB cho tuyến đường cao tốc Bắc – Nam đoạn qua huyện Hàm Tân (Phan Thiết - Dầu Giây)	779.090.909	857.000.000	10,5%	81.804.545	10,5%	81.804.545
20	ĐZ 500 kV đấu nối TBA 500 kV Thuận Nam vào ĐZ 500 kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân	1.745.454.545	1.920.000.000	52%	907.636.364	52%	907.636.364
21	Lắp đặt 02 ngăn lộ 110kV TBA 220kV Hải Dương đấu nối 110kV Hải Dương – Đồng Niên	227.272.727	250.000.000	100%	227.272.727	100%	227.272.727
22	Lắp đặt 04 ngăn lộ 110kV trạm biến áp 220kV Vĩnh Tường và 01 ngăn lộ 110kV trạm biến áp 220kV Vĩnh Yên đấu nối đường dây 110kV Vĩnh Tường - Vĩnh Yên- Việt Trì	106.909.091	117.600.000	100%	106.909.091	100%	106.909.091
23	Đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	675.272.727	742.800.000	100%	675.272.727	50%	337.636.364
24	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Đông Hà từ 2x125 MVA lên (125+250) MVA	414.545.455	456.000.000	100%	414.545.455	100%	414.545.455
25	Đường dây 220kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2.676.581.818	2.944.240.000	100%	2.676.581.818	50%	1.338.290.909
26	Giải pháp đảm bảo yêu cầu về điện áp cho lưới truyền tải điện khu vực miền Bắc	683.636.364	752.000.000	100%	683.636.364	100%	683.636.364
II	Kế hoạch đấu thầu mới năm 2023	3.000.000.000	3.300.000.000				978.391.000
27	Dự kiến đấu thầu mới	3.000.000.000	3.300.000.000	100%		33%	978.391.000
	Tổng cộng	26.165.502.670	28.782.052.937		13.046.246.024		10.238.333.000

PHỤ LỤC 3 - CHI PHÍ KHẤU HAO CƠ BẢN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	390.000.000	
	TỔNG CỘNG	390.000.000	

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 6 năm 2023

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- Trụ sở chính: Lô số 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 7 ngày 03/7/2020.

I. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 08h00 ngày 22/6/2023.
- Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần EVN Quốc tế.
- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

III. Nội dung Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế năm 2023 họp thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023;
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022;
5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023;
6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023;

7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
8. Trình Kế hoạch năm 2023;
9. Thông qua báo cáo kết quả ứng cử đề cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028;
10. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028;

IV. Tóm tắt diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội.

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Lê Thanh Khoa thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

+ Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 12/05/2023: cổ đông gồm cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ đông được triệu tập Đại hội: cổ đông đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết (..... cổ đông pháp nhân với cổ phần có quyền biểu quyết và cổ đông thể nhân với cổ phần có quyền biểu quyết);

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: cổ đông, trong đó có pháp nhân và cổ đông thể nhân đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

Căn cứ Điều 18, Điều lệ của Công ty, với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự đại hội.

3. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Lê Thanh Khoa đã tiến hành lấy ý kiến Đại hội để thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100%.

4. Ban tổ chức giới thiệu với Đại hội để thông qua Chủ tọa, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100% như sau

a. Chủ tọa đại hội:

- Ông Trương Quang Minh - Chủ tịch HĐQT

b. Thư ký Đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trưởng Phòng Tổng hợp

c. Ban kiểm phiếu:

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| - Ông Lê Thanh Khoa | - Phó Tổng giám đốc - Trưởng Ban |
| - Bà Bùi Thị Tuyết | - CV P. Tổng hợp - Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Hà Trang Nhung | - CV P. Kỹ thuật - Ủy viên |
| - Ông Trần Vũ Quốc Tài | - Phụ trách phòng TCKT - Ủy viên |
| - Ông Phạm Hữu Thắng | - CV P. Kỹ thuật - Ủy viên |

B. Diễn biến của Đại hội:

Đại hội tiến hành dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

B.1. Thông qua chương trình Đại hội.

Chủ tọa Đại hội thông qua nội dung chương trình đại hội với các nội dung trên. Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội, tỷ lệ tán thành 100%.

B.2. Các nội dung, vấn đề báo cáo, trình bày tại Đại hội:

Được sự thống nhất của Đại hội, các nội dung chương trình được báo cáo trước đại hội:

1. Thay mặt HĐQT, Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT đọc Báo cáo số 25/BC-HĐQT ngày 17/05/2023 của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;

2. Ông Lê Vũ Ninh – UV HĐQT, Tổng Giám đốc đọc Báo cáo số 209/BC-EVNI ngày 08/5/2023 của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023;

3. Ông Trần Vũ Quốc Tài – Phụ trách phòng TCKT Công ty trình bày Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC;

4. Thay mặt Ban kiểm soát, Bà Đinh Hải Ninh – Trưởng ban Kiểm soát đọc Báo cáo của Ban kiểm soát số ngày về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023; và Tờ trình ngày 23/03/2023 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

5. Ông Lê Vũ Ninh – Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 21/TTr-EVNI ngày 08/5/2023 về thông qua thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023;

6. Ông Trần Vũ Quốc Tài – Phụ trách phòng TCKT đọc Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 08/5/2023 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;

7. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 23/TTr-HĐQT ngày 08/5/2023 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Chủ tọa Đại hội tóm tắt các nội dung đã trình bày trước đại hội, báo cáo Đại hội tiến độ thực hiện, kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 – Campuchia (Công ty liên kết).

B.3 Các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua:

Sau thời gian thảo luận, Đại hội đã tiếp thu các ý kiến và tiến hành biểu quyết theo phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”, thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại Đại hội. Kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết					Kết quả biểu quyết
		Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
2	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
3	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
4	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
6	Quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022, kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
7	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				
8	Kế hoạch năm 2023						Thông qua với tỷ lệ
		100%	0%				

Về kế hoạch năm 2023, Đại hội thống nhất giao Ban điều hành:

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (117,45 tỷ đồng). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2023, ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2023 tương ứng.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

** Nội dung ý kiến của các cổ đông tại Đại hội và giải trình của Chủ tọa Đại hội chi tiết theo Phụ lục đính kèm Biên bản.*

B.4 Báo cáo kết quả ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Căn cứ: Điều lệ của EVNI; Nghị quyết 20/NQ-HĐQT ngày 05/05/2023 và Thông báo số 177/TB-EVNI ngày 19/0/2023 của EVNI về việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần EVN Quốc tế nhiệm kỳ 2023 – 2028. Ông Trương Quang Minh - Chủ tịch HĐQT đọc báo cáo kết quả ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần EVN Quốc tế nhiệm kỳ 2023-2028 theo hồ sơ ứng cử, đề cử đã được Ban điều hành Công ty tiếp nhận hợp lệ đến 16g30 ngày 02/06/2023 theo thông báo đã công bố như sau:

1. Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên

TT	Họ và tên ứng viên	Chức danh đang đảm nhiệm	Đại diện cho cổ đông tỷ lệ % CP sở hữu
1	Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty phát điện 15,63%

2	Ông Lê Vũ Ninh	Ủy viên HĐQT TGD	Tổng Công ty phát điện 10,42%
3	Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên HĐQT Kiêm nhiệm	Công ty CP NĐ Phả Lại 19,30%
4	Ông Lê Duy Thanh	Ủy viên HĐQT Kiêm nhiệm	Tập đoàn CN Cao su VN 11,78%
5	Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT Kiêm nhiệm	NH TMCP An Bình 10,31%
6		

2. Ban kiểm soát: gồm 3 thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh Đang đảm nhiệm	Đại diện cho cổ đông tỷ lệ % CP sở hữu
1	Đỗ Quang Minh	Trưởng ban	Tổng Công ty phát điện 1 26,05%
2	Vũ Hương Trà	Thành viên	NH TMCP An Bình 10,31%
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Công ty CP NĐ Phả Lại 19,30%
4		

Chủ tọa tiến hành lấy ý kiến Đại hội để thông qua danh sách ứng cử đề cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028. Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành

Chủ tọa lấy ý kiến đại hội thông qua Ban bầu cử HĐQT, BKS tại đại hội với thành phần là Ban kiểm phiếu đã được đại hội thông qua. Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

Ban bầu cử dưới sự điều hành của Trưởng ban tiến hành công tác bầu cử.

B.5 Kết quả bầu cử Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Sau khi kiểm phiếu (Đính kèm biên bản kiểm phiếu), Ban bầu cử công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 với kết quả như sau:

5.1 Hội đồng quản trị:

Số lượng 05 thành viên sắp xếp theo tỷ lệ từ cao đến thấp:

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông biểu quyết
1				
2				

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ	Số lượng cổ đồng biểu quyết
3				
4				
5				

5.2 Ban kiểm soát:

Số lượng 03 thành viên sắp xếp theo tỷ lệ từ cao đến thấp:

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ	Số lượng cổ đồng biểu quyết
1				
2				
3				

Theo quy chế Đại hội, các Ông/Bà có tên sau trúng cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 của Công ty cổ phần EVN quốc tế:

- Hội đồng quản trị:

-

- Ban kiểm soát:

-

Sau kết quả công bố, Đại hội nghỉ giải lao để HĐQT, BKS họp phiên thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát.

B.6 Công bố kết quả phiên họp thứ nhất của HĐQT, BKS về kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS EVNI nhiệm kỳ 2023 – 2028:

Ông, thay mặt HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS với kết quả như sau:

- Ông/Bà được bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Với tỷ lệ .../5 phiếu
- Ông/Bà được bầu Trưởng Ban kiểm soát: Với tỷ lệ/3 phiếu

HĐQT; BKS Công ty cổ phần EVN Quốc tế nhiệm kỳ 2023 – 2028 ra mắt đại hội

C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết nhất trí: đạt 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2023.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA

PHỤ LỤC CÁC Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ EVNI năm 2022 ngày 30/06/2022)

TT	Nội dung ý kiến của Cổ đông	Ý kiến trả lời của Chủ tọa
I	Cổ đông ...	
1	Về Báo cáo hoạt động của HĐQT	
a	
b	
2	Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	
a	
3	Về kế hoạch SXKD năm 2023	
a	
4	Về	
a	

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 6 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 05/05/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế về việc chốt thời gian, địa điểm và chương trình làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần EVN Quốc tế ngày 22/6/2023: Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 12/5/2023: cổ đông, gồm cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân đại diện cho 36.677.145 cổ phần có quyền biểu quyết; Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: ... cổ đông, trong đó có ... pháp nhân và ... cổ đông thể nhân đại diện ... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung chủ yếu sau:

1. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023;
3. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022;
5. Thông qua việc lựa chọn Đơn vị Kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán bán niên và thường niên năm 2023 cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
6. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2022 là **545.520.000 đồng**;

Thông qua tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2023 là **466.416.000 đồng**

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	103.411.575.255
II	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm 2022	115.324.299.371
III	Tổng số trích lập các quỹ	2.476.414.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	2.101.996.000
	+ Quỹ khen thưởng	1.050.998.000
	+ Quỹ phúc lợi	1.050.998.000
	- Quỹ thưởng người quản lý	374.418.000
IV	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau trích lập các quỹ (II)-(III)	112.847.885.371
V	Chia cổ tức bằng tiền mặt	95.360.577.000
	Tỷ lệ chia cổ tức	26%
VI	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt (IV)-(V)	17.487.308.371

8. Thông qua kế hoạch năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 135.369.333.000 đồng
- Chí phí: 35.165.296.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 100.204.037.000 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%

* Giao Ban điều hành:

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2022 trong năm 2023.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (117,459 tỷ đồng). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2023, ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2023 tương ứng.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

9. Thông qua kết quả bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

- Hội đồng quản trị:
 - Ông/bà
 - Ông/bà
 - Ông/bà
 - Ông/bà
 - Ông/bà
- Ban kiểm soát:
 - Ông/bà
 - Ông/bà
 - Ông/bà

Điều 2. Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22/6/2023.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- Thành viên HĐQT, BKS; Ban TGD
- Phòng KT, TCKT;
- Lưu: TH, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Quang Minh

**EVNINTERNATIONAL****CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - <http://evni.vn>**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023****PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Cổ đông:

Mã số cổ đông:

Người đại diện:

Số cổ phần sở hữu/đại diện (cổ phần):

Người được ủy quyền:

Số cổ phần nhận ủy quyền (cổ phần):

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần):*Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô tương ứng.*

<i>Nội dung</i>	<i>Tán thành</i>	<i>Không tán thành</i>	<i>Không có ý kiến</i>
1. Báo cáo của HĐQT về tình hình về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Trình Kế hoạch năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 6 năm 2023

CỔ ĐÔNG*(Ký, Ghi rõ họ tên)*

Số: 27/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Vv thông qua Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.


Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-EVNI ngày 08/05/2023 về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên EVNI năm 2023;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử tại ĐHCĐ thường niên 2023 như dự thảo đính kèm.

Kính trình ĐHCĐ xem xét quyết nghị đề Ban tổ chức Đại hội tiến hành làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban tổ chức ĐHCĐ 2023;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI).

**QUY CHẾ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế bầu cử này áp dụng đối với việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại ĐHCĐ thường niên năm 2023 và được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

Trường hợp cổ đông¹ ra về trước khi Đại hội tiến hành bầu cử, thì cổ đông đó sẽ mất quyền bầu cử tại Đại hội và Đại hội tiến hành hủy phiếu bầu của cổ đông đó (nếu có).

Điều 2. Số lượng thành viên HĐQT và BKS

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, số lượng thành viên HĐQT, BKS cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05
- Số lượng thành viên BKS: 03

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một số ứng cử viên.

- Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT (đối với phiếu bầu HĐQT) hoặc BKS (đối với phiếu bầu BKS). Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tin nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào Thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban bầu cử và kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

¹ Cổ đông: được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên (05 thành viên HĐQT, 03 thành viên ban kiểm soát). Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

- Hướng dẫn chi tiết về phương thức bầu đôn phiếu xem phụ lục đính kèm.

Điều 4. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ

a) Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Phiếu do Ban bầu cử và kiểm phiếu phát, không có tẩy xóa nội dung.
- Phiếu bầu đủ hay phiếu bầu ít hơn số thành viên HĐQT/BKS đã được Đại hội thông qua và bầu cho những người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

- Phiếu không bầu cho người nào (phiếu trống).

b) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không phải là phiếu do Ban bầu cử & kiểm phiếu phát.
- Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung
- Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT/BKS quy định.
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết bầu đôn cho một hoặc một số ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được ghi trên phiếu

Điều 5. Trúng cử

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT, BKS (05 thành viên HĐQT, 03 thành viên Ban kiểm soát). Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau cho đến khi lựa chọn được.

Điều 6. Khiếu nại kết quả bầu cử

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban bầu cử & kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế biểu quyết thông qua.

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU
(Kèm theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần EVN Quốc tế,
nhiệm kỳ 2023-2028)

1. Quy định về việc bầu đồn phiếu

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS tại ĐHCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu đồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó.

Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Cách thức bầu:

a) Xác định tổng số phiếu biểu quyết của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông):

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tổng số phiếu biểu quyết} = \text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện} \times \text{Số thành viên được bầu}$$

Ví dụ 1 : Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 5 người.

Số lượng thành viên bầu vào BKS là 3 người.

Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, phiếu biểu quyết HĐQT của ông X là $(1.000 * 5) = 5.000$ phiếu

và phiếu biểu quyết BKS là $(1.000 * 3) = 3.000$ phiếu.

b) Cách thức bỏ phiếu :

Đối với trường hợp bầu Hội Đồng Quản Trị : Bầu lấy 5 ứng viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên mà mình lựa chọn.

Đối với trường hợp bầu Ban Kiểm soát : Bầu lấy 3 ứng viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên mà mình lựa chọn.

***Cách ghi :**

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số phiếu biểu quyết của người cầm phiếu.
- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu biểu quyết” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu biểu quyết”
- Cộng tổng số phiếu biểu quyết và ghi vào cột tổng cộng.

Lưu ý: tổng số phiếu đã biểu quyết không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết đã ghi sẵn trên phiếu bầu cử.

Ví dụ 2: Khi bầu cử HĐQT, ông X chia tổng số phiếu biểu quyết của mình là 5.000 phiếu cho các ứng viên, chẳng hạn

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.500
2	Nguyễn Thị B	1.500
3	Lê Văn C	1.000
4	Đào Văn D	500
5	Trần Văn E	500
	Tổng cộng (Không được vượt quá 5.000 phiếu)	5.000

Lưu ý: Ông X có thể chỉ sử dụng tối đa 5.000 phiếu biểu quyết để bầu cho các ứng viên. Nếu dùng quá 5.000 phiếu biểu quyết là phiếu bầu không hợp lệ.

Ví dụ 3: Khi bầu cử Ban Kiểm Soát, ông X chia tổng số phiếu biểu quyết của mình là 3.000 phiếu cho các ứng viên, chẳng hạn:

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	600
3	Nguyễn Văn C	1.400
	Tổng cộng (Không được vượt quá 3.000 phiếu)	3.000

Lưu ý: Ông X có thể chỉ sử dụng tối đa 3.000 phiếu biểu quyết để bầu cho các ứng viên vào BKS. Nếu dùng quá 3.000 phiếu biểu quyết là phiếu bầu không hợp lệ.

Số: 26/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Vv thông qua Quy chế tổ chức và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-EVNI ngày 08/05/2023 về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên EVNI năm 2023;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức và thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCD thường niên 2023 như dự thảo đính kèm.

Kính trình ĐHĐCD xem xét quyết nghị đề Ban tổ chức Đại hội tiến hành làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban tổ chức ĐHĐCD 2023;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 5 năm 2023

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI).

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần EVN Quốc tế diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
2. Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là Công ty) đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật
3. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12 tháng 05 năm 2023 đều có quyền tham dự Đại hội; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 3. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không được tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 4. Cổ đông, Khách mời tham dự Đại hội phải tuân thủ:

- Đến tham dự đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra

an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội. Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

- Người nhận ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.

- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

- Các cổ đông phải tuân thủ theo sự điều hành, hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép.

- Nghiêm túc thực hiện quy chế tổ chức và các quy chế liên quan tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

Chương II

CÁC THỂ THỨC TẠI ĐẠI HỘI

Điều 5. Đối với các Cổ đông¹ tham dự đại hội

1. Mỗi Cổ đông khi tới tham dự phải mang theo giấy tờ tùy thân (*Chứng minh thư nhân dân/CCCD/Hộ chiếu*) trình Ban tổ chức Đại hội khi Ban Tổ chức yêu cầu. Trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải gửi kèm theo giấy uỷ quyền.

2. Ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ; Mỗi cổ đông sẽ được Ban tổ chức Đại hội cấp các thẻ biểu quyết về từng nội dung đã được in trên thẻ. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi rõ số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần sở hữu, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Tại Đại hội, các Cổ đông sẽ nghe báo cáo lần lượt các nội dung của Đại hội, sau đó cùng thảo luận, ý kiến công khai và biểu quyết tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo sự điều hành của Chủ tọa.

¹ Cổ đông: được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

Điều 6. Các bộ phận liên quan giúp việc tại Đại hội:

1. Ban tổ chức Đại hội do Tổng Giám đốc Công ty thành lập. Ban tổ chức (BTC) có trách nhiệm biên soạn các quy chế làm việc, quy chế bầu cử, thể lệ biểu quyết trình Đại hội. Thực hiện phát tài liệu, thể biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông có đủ tư cách tham dự và những thủ tục cần thiết khác để Đại hội được tổ chức đúng quy định.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông):

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
 - + Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
 - + Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

3. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề nghị và Đại hội biểu quyết thông qua; Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra.
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền.
 - + Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.
 - + Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 7. Chủ tọa và Thư ký Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

+ Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

+ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần EVN Quốc tế

+ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

+ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.

+ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thư ký Đại hội

- Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội chỉ định.

- Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội:

+ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.

+ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.

+ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

a. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Điều này, ĐHĐCĐ phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Điều này, ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Phát biểu tại Đại hội:

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho Đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 10. Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV. THẺ BIỂU QUYẾT

Điều 11. Nguyên tắc chung

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu biểu quyết có ghi mã số đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội.

Điều 12. Cách thức biểu quyết

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- Tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

1. Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”:

- Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết” được dùng để thông qua các vấn đề gồm:
 - ✓ Chương trình Đại hội;
 - ✓ Ban kiểm phiếu;
 - ✓ Quy chế tổ chức Đại hội và thể lệ biểu quyết;
 - ✓ Quy chế bầu cử;
 - ✓ Danh sách ứng cử đề cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.
 - ✓ Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ họp ĐHĐCĐ.
- Mỗi cổ đông/người ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại được Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giơ mặt trước của Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.
 - + Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
 - + Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của

từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

2. Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:

- Phương thức điền vào Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các vấn đề gồm:
 - (1) Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
 - (2) Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch năm 2023;
 - (3) Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;
 - (4) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022;
 - (5) Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023;
 - (6) Trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2022, kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2023;
 - (7) Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
 - (8) Trình Kế hoạch năm 2023;
- Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (1) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 12/5/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: **36.677.145** cổ phần, tương đương với **36.677.145** quyền biểu quyết.

- Các vấn đề khác cần lấy biểu quyết trong chương trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện theo Quy chế bầu cử và các nội dung phát sinh khác (nếu có) được quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.

- Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Phiếu có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không có dấu của Công ty.

- Một nội dung biểu quyết có ghi từ 02 ý kiến biểu quyết khác nhau (“Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) hoặc không có lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó bị coi là không hợp lệ.

- Trường hợp Phiếu biểu quyết có nhiều nội dung biểu quyết, nếu có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì chỉ nội dung biểu quyết đó sẽ được tính là không hợp lệ, và không ảnh hưởng tới tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác trong Phiếu biểu quyết đó.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu, ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHCĐ.

CHƯƠNG V. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Xử lý ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết: Chủ tọa Đại hội sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của pháp luật.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần EVN Quốc tế biểu quyết thông qua.